

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

24

CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ BA



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 24: CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ BA

Tái bản lần thứ tư

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Huy Khôi

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần thứ ba / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh
Trân biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Huy. - Tái bản lần thứ 2. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012.

112 tr. : minh họa ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.24).

I. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Trần, 1225-1400 — Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng.

II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Vietnam — History — Tran dynasty, 1225-1400 — Pictorial works.

959.7024 — dc 22

C533

LỜI GIỚI THIỆU

Dù đã hai lần thảm bại nhưng Nguyên Mông vẫn chưa bao giờ nguôi ý định xâm lăng Đại Việt để báo thù cho những những nhục nhã trong hai lần xâm lược trước. Nhà Nguyên huy động hơn 50 vạn quân thủy, bộ cho việc báo thù này.

Dù có sự chuẩn bị chu đáo, nhưng một lần nữa nhà Trần vẫn đẩy lùi cuộc xâm lược quy mô của nhà Nguyên, giữ vững bờ cõi và nền độc lập, tự chủ. Trần Bạch Đằng cũng được ghi nhận là một trong những trận đánh nổi tiếng trong lịch sử nước ta. Giải thích cho thất bại của quân Nguyên cũng như chiến thắng của Đại Việt, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã nói rằng: “Vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước nhà góp sức”. Đây cũng chính là nguyên nhân thắng lợi của cả ba cuộc kháng chiến chống Nguyên trong thế kỷ 13 của nước ta.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 24 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chiến thắng giặc Nguyên Mông lần ba”** phân lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân biên soạn, phân hình ảnh do Nguyễn Huy Khôi thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 24 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

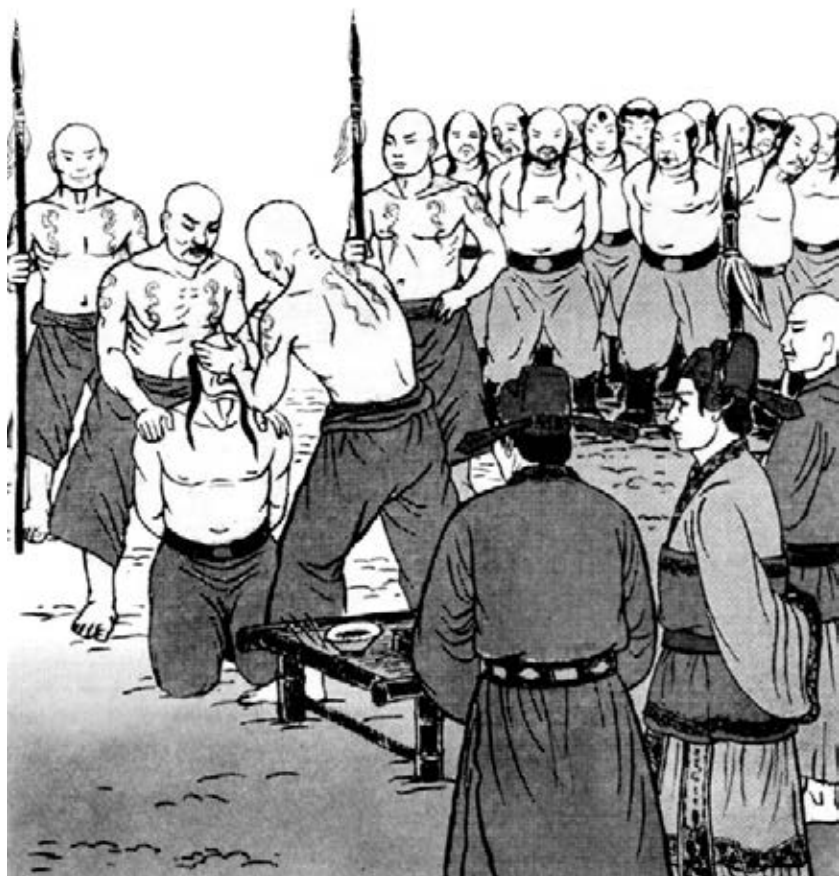
*Tuy hai lần thất bại nhưng nhà Nguyên vẫn chưa
ngươi tham vọng xâm chiếm Đại Việt. Nhà Nguyên chuẩn
bị quân hùng tướng mãnh tiến vào Đại Việt thế mà khi
tàn cuộc, lớp thì chạy trốn, lớp thì mất mạng, lớp thì bị
bắt sống.*

*Quân dân Đại Việt với sự lãnh đạo của bậc minh quân
cùng tài năng của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã
kiên cường, dũng cảm đẩy lui cuộc xâm lược thứ ba của
Nguyên Mông, giữ vẹn độc lập, bờ cõi nước nhà.*

Sau chiến thắng quân Nguyên vào năm 1285, nhà Trần chú trọng đến việc củng cố đất nước. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông tuyên phong cho những người có công như Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản, Trần Bình Trọng, Trần Khánh Dư... Đồng thời nhà vua trị tội những người đã hèn nhát quy hàng theo giặc. Riêng Trần Ích Tắc và Trần Kiện chạy sang Nguyên, nhà vua cho gọi một cách giễu cợt là Ả Trần và Mai Kiện.



Tất cả số dân trong nước được kiểm tra để xác định lại số trai tráng đi lính phòng khi lại xảy ra chiến tranh. Qua năm sau, vua Trần cho tha tất cả tù binh Nguyên gồm 50 ngàn tên. Để phòng chúng lại trở lại đánh Đại Việt, nhà vua cho khắc chữ lên mặt để làm dấu và răn đe nếu kẻ nào lại sang thì sẽ bị chém đầu chứ không được tha nữa.



Lúc ấy chúa Nguyễn là Hốt Tất Liệt đang mở chiến dịch xâm lăng quần đảo Nhật Bản. Đạo quân của hắn vượt đại dương gặp bão nên bị đắm nhiều thuyền chiến. Khi đổ bộ lên đất Nhật, số quân còn lại bị người Nhật đánh cho tơi bời, chỉ còn ba tên trốn thoát về cấp báo tình hình khốn đốn. Hốt Tất Liệt chuẩn bị điều tiếp quân qua hỗ trợ. Nhưng thất bại ở Đại Việt làm cho hắn lúng túng.





Thấy con trai phải chui ống đồng cùng đám tàn quân lếch thếch kéo về, chúa Nguyên hết sức tức tối. Hắn quyết định đình lại việc xâm lăng Nhật Bản và dồn thuyền chiến, chuẩn bị tiến đánh Đại Việt lần nữa để phục thù. Hắn tiếp tục sai sứ sang Đại Việt dò xét tình hình. Triều đình nhà Trần không muốn gây căng thẳng, đành phải tiếp đón như trước.

Tháng Giêng năm Bính Tuất (1286) Hốt Tất Liệt cùng triều đình nhà Nguyên hội bàn kế hoạch đánh chiếm Đại Việt. Thoát Hoan (*) vẫn thống lĩnh toàn quân. A Lý Hải Nha (**) được phong làm An Nam Tả Thừa tướng, Ô Mã Nhi (***) làm Tham tri. Ngoài ra còn có một số tướng lão luyện khác như Ái Lỗ (****), các tướng người Hán Phàn Tiếp, Trình Bằng Phi,...

(*) tên Mông Cổ là Toghan.

(**) là Ariq Quaya, tên này mấy tháng sau chết bệnh, thay bằng Áo Lỗ Xích (Auruyci), một tên tướng thông thạo cả kỵ binh và thủy binh.

(***) tên Mông Cổ là Omar Batur

(****) tên Mông Cổ là Aruq





Rút kinh nghiệm hai lần đánh Đại Việt trước, lần này Hốt Tất Liệt chú trọng đến việc xây dựng một lực lượng thủy quân hùng hậu. Hãn ra lệnh cho tỉnh Hồ Quảng đóng 300 thuyền chiến, hẹn đến tháng 8 phải xong và tập trung ở châu Khâm (Quảng Đông - Trung Quốc). Ngoài ra hãn còn sử dụng bọn cướp biển để sung vào đội quân thủy với hy vọng bọn này đi lại thành thạo trên biển lại khỏe mạnh, hung tợn, sẽ trở thành những tên lính thủy thiện chiến.

Để có danh nghĩa đánh Đại Việt, Hốt Tất Liệt lại lập một triều đình bù nhìn. Hãn phong Trần Ích Tắc làm An Nam quốc vương, cho nhận phù ấn. Con trưởng của Ích Tắc được nhận chức An Phủ sứ lộ Đà Giang, Trần Văn Lộng làm Tuyên Phủ sứ lộ Quy Hóa... Sau đó, hãn gửi thư sang Đại Việt kể tội vua Trần đã giết Di Ái nên hãn phải đem Trần Ích Tắc về thế chỗ.



Tháng hai năm Đinh Hợi (1287), chúa Nguyên xuống chiếu cho các tỉnh sát biên giới Đại Việt là Giang Tây, Hồ Quảng, Hải Nam... mộ quân và sưu sửa lương thực, khí giới. Những vùng này sau nhiều năm phục dịch cho các cuộc xâm lược liên tiếp của quân Nguyên khiến dân tình xơ xác, đói khổ. Quan lại ở Hồ Quảng cũng đã phải kêu: “Người nghèo phải bỏ con để cầu sống, kẻ giàu cũng phải bán sản nghiệp để ứng dịch. Nỗi khổ như bị treo ngược, mỗi ngày một tăng...”.

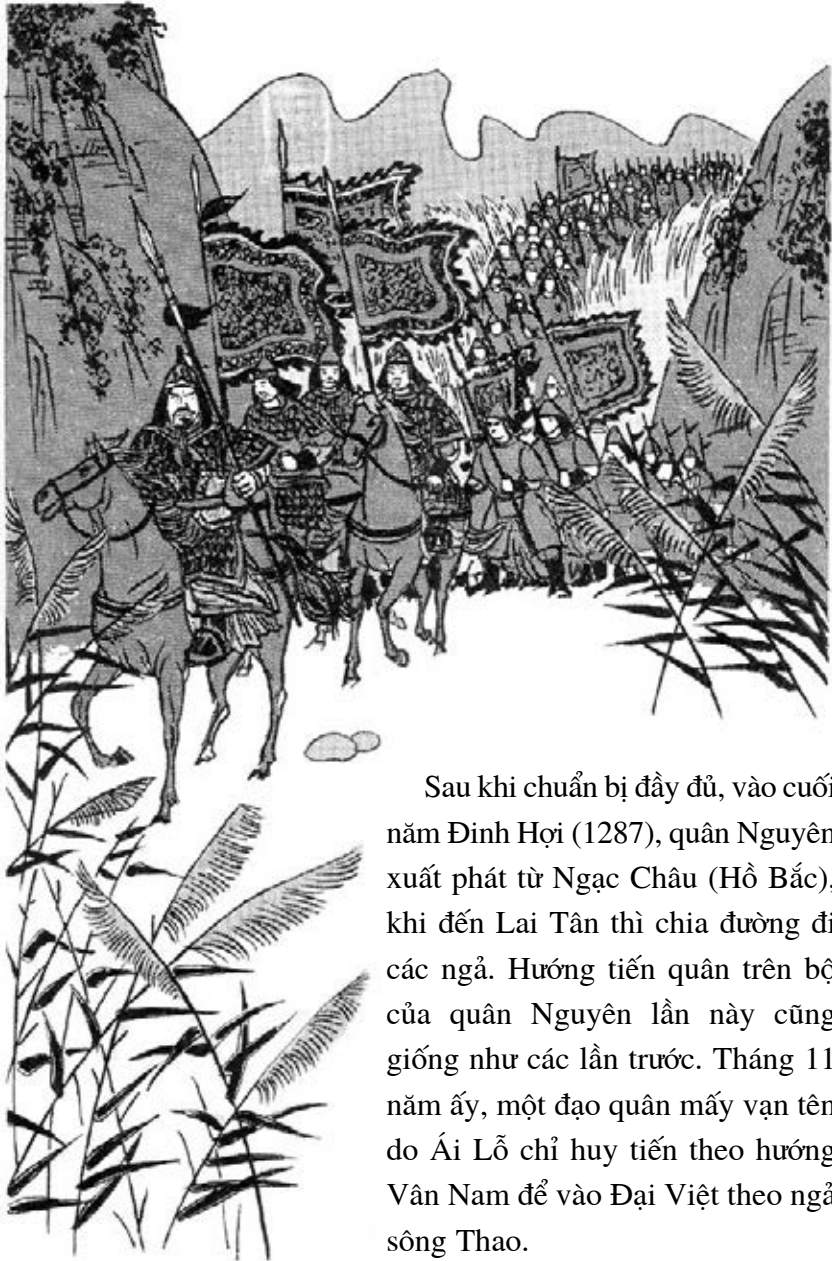




Nhưng còn một điều khiến Hốt Tất Liệt lo nghĩ. Với số quân vài chục vạn, nhà Nguyên phải huy động một lượng lương thực khổng lồ đem theo. Trong cánh hành binh, thường lương thực phải đi cùng với quân lính. Bởi vậy, hai lần đánh Đại Việt trước đây, quân Nguyên lập các trạm ở dọc đường rồi cho phu vận lương bằng đường bộ. Nay với 17 vạn thạch, nếu đi đường bộ thì phải cần số phu khuân vác gần tương đương với số quân lính. Như vậy thì số lương này chỉ vừa đủ để nuôi phu.



Cuối cùng, sau nhiều ngày suy tính, Hốt Tất Liệt chỉ để lại một số lương vừa đủ ăn cho cuộc hành quân với hy vọng vừa đánh vừa cướp thêm thóc gạo của dân Đại Việt. Còn lại phần lớn, hãn đành liệu lĩnh chọn phương án tải lương bằng đường thủy, tức là giao phó nổi com của cả đại quân trên bộ cho biển cả mênh mông. Để yên tâm hơn, hãn cử Trương Văn Hổ, con trai một tên cướp biển người Tống (Trung Quốc) giữ chức Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ, có nhiệm vụ áp tải 70 thuyền lương bám theo đoàn thuyền chiến.



Sau khi chuẩn bị đầy đủ, vào cuối năm Đinh Hợi (1287), quân Nguyên xuất phát từ Ngạc Châu (Hồ Bắc), khi đến Lai Tân thì chia đường đi các ngả. Hướng tiến quân trên bộ của quân Nguyên lần này cũng giống như các lần trước. Tháng 11 năm ấy, một đạo quân mấy vạn tên do Ái Lỗ chỉ huy tiến theo hướng Vân Nam để vào Đại Việt theo ngả sông Thao.



Trong khi đó, đại quân của Thoát Hoan rầm rầm rộ rộ kéo đến Tư Minh, một điểm gần biên giới Đại Việt. Hãn đóng quân lại đây một thời gian ngắn để điểm binh và điều quân. Sau đó, Thoát Hoan sai Trình Bằng Phi dẫn một vạn quân tiến vào nước ta theo ngả phía tây; còn hãn dẫn số quân còn lại, trong đó có mặt vạn quân tiên phong của A Ba Tri (*), tiến vào theo ngả phía đông. Lẽch thếch theo sát phía sau quân Nguyên là đám triều đình bù nhìn Trần Ích Tắc, tuy vô cùng sợ hãi nhưng lòng cũng tràn trề biết bao hy vọng.

(*): tên Mông Cổ là Abaci

Riêng đạo quân thủy có khác lần trước, được chuẩn bị chu đáo, gồm khoảng 1 vạn 8 ngàn tên với 500 thuyền chiến do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp chỉ huy cùng 70 thuyền vận tải lương do đám cướp biển Trương Văn Hổ áp tải. Đạo quân này tập trung ở châu Khâm và châu Liêm, xuất phát theo đường biển sớm hơn quân bộ khoảng nửa tháng để xâm nhập Đại Việt qua cửa sông Bạch Đằng.



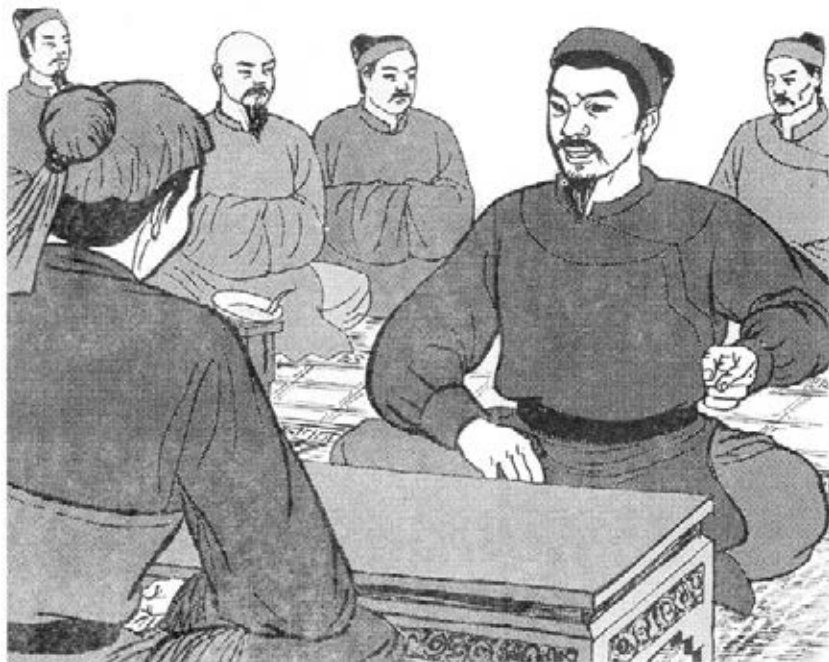


Tin tức về việc chuẩn bị của quân Nguyên đã được các tỉnh biên giới cấp báo về cho vua Trần từ rất sớm. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông đã lệnh cho các vương hầu chỉnh đốn binh ngũ để ngày đêm tập luyện; đồng thời chuẩn bị lương thực, vũ khí, đóng thêm tàu thuyền... Biết rõ dã tâm của giặc, nhà vua không khỏi lo nghĩ. Trong một buổi luận bàn cùng Hưng Đạo Vương, ngài hỏi:

- Thế giặc năm nay thế nào?

Hung Đạo Vương cân nhắc cẩn thận rồi trả lời:

- Lần trước, nước ta do sống thái bình lâu năm, dân chưa quen việc binh, cho nên khi quân Nguyên xâm lấn, ta gặp nhiều lúng túng, hoặc có người đầu hàng trốn lánh. Nay chúng lại sang thì quân ta đã quen việc đánh dẹp, còn chúng thì phải đi xa, và đã từng bị bại, không có lòng chiến đấu nữa. Cứ ý thần xem thì tất đánh tan được.



Nhà vua nghe vậy, càng vững tâm. Các quan đề nghị cho chọn trai tráng khỏe mạnh để sung thêm vào lính, nhưng Hưng Đạo Vương không đồng ý, ông nói:

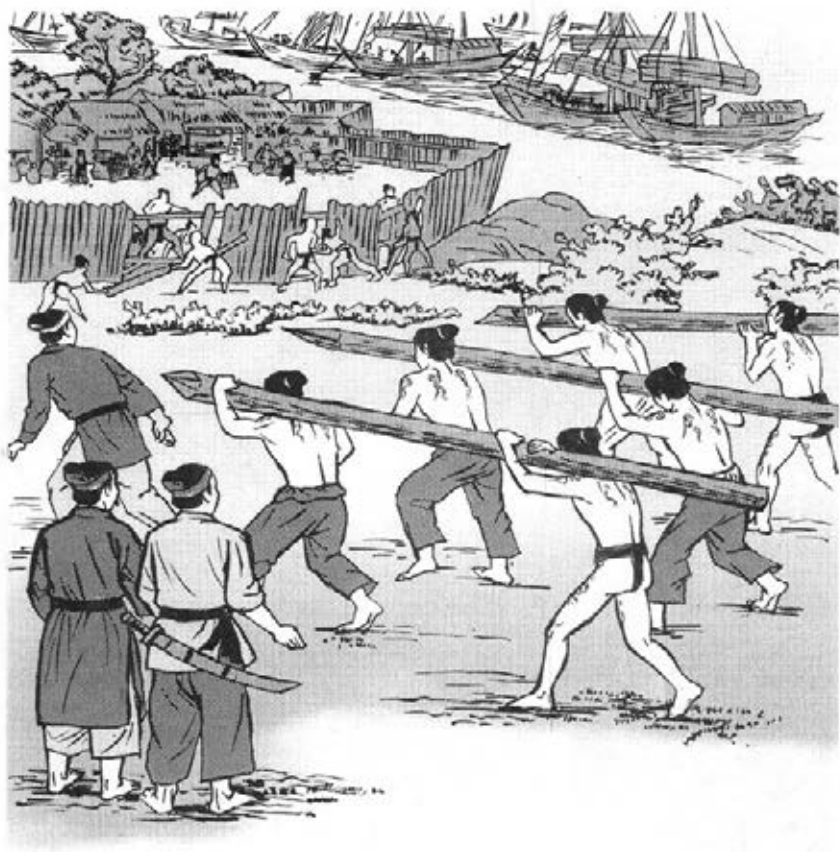
- Quân cần tinh chứ không cần nhiều. Dù có đến trăm vạn quan mà không giỏi thì cũng bị thua mà thôi.





Vào tháng 10 năm Đinh Hợi (1287), Hưng Đạo Vương cho các tướng đem quân đi đóng các nơi hiểm yếu. Việc phân công cũng không có gì khác trước, vẫn là Trần Nhật Duật chốt giữ ở phía Bạch Hạc sông Thao, Trần Hưng Đạo cùng các con chốt giữ phía Bắc Giang, Lạng Sơn. Còn Trần Quang Khải lo phía nam và bảo vệ hai vua khi cần rút chạy khỏi Thăng Long.

Riêng việc phòng vệ phía biển, lần trước đã giao cho Trần Khánh Dư làm Phó tướng phụ trách Vân Đồn. Đây là một thương cảng quan trọng nơi địa đầu đất nước, tàu bè các nước ra vào tấp nập; nhưng cũng là một chốt tiền tiêu xung yếu. Vì vậy, để bảo mật, Trần Khánh Dư cho xây rào gỗ quanh những nơi buôn bán và quy định trang phục riêng cho dân chúng, phòng quân do thám của giặc trà trộn.





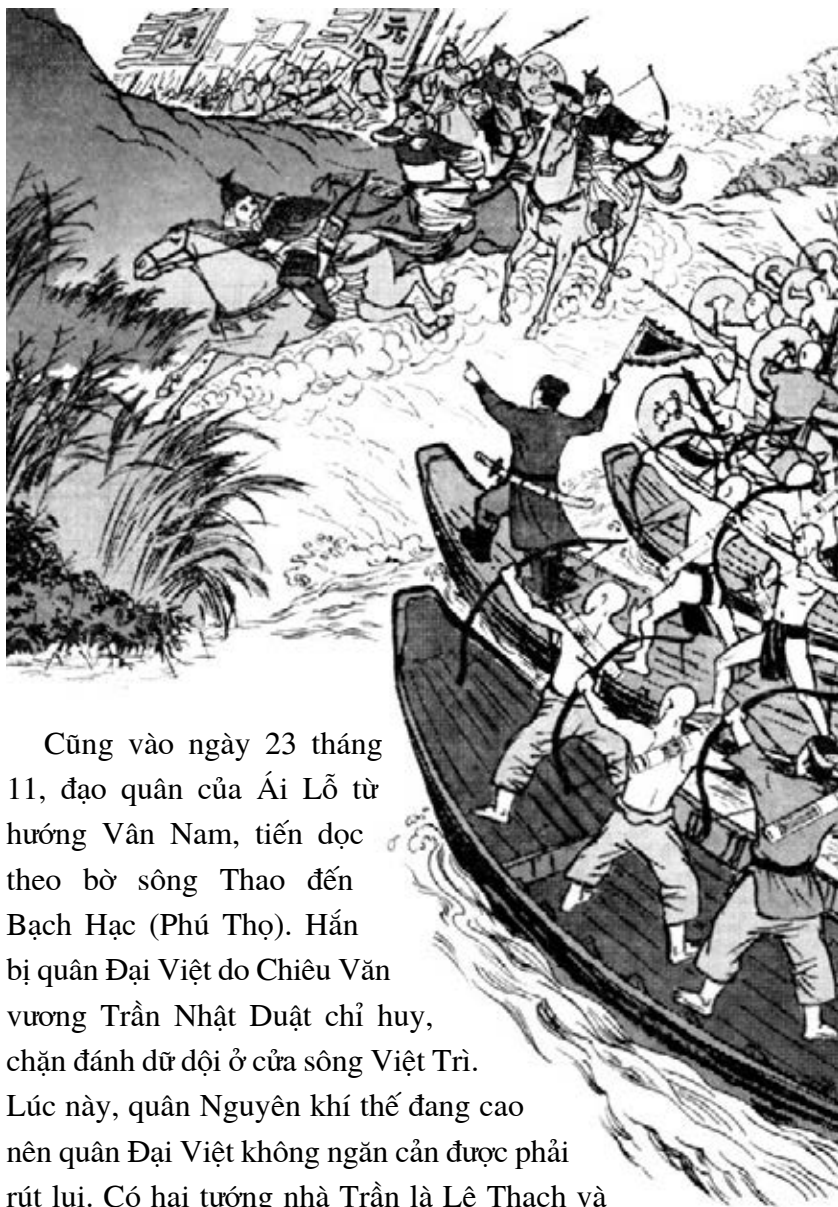
Ngày 23 tháng 11 năm 1287, các cánh quân Nguyên gặp nhau ở Lộc Bình, một núi kế cận với vùng Lạng Sơn của Đại Việt. Hôm sau, chúng từ nhiều mũi ào ào tiến qua biên giới. Một vạn tên do Trình Bàng Phi chỉ huy tiến qua ải Chi Lăng đến Thích Trúc. Thích Trúc có nghĩa là cửa tre gai, nằm ở phía tây Lạng Sơn. Ở đây có hai ngọn núi giao nhau, sườn núi vừa hẹp lại vừa mọc đầy một loại tre có gai nhọn, rất khó vượt qua. Vì vậy, địa thế nơi đây rất hiểm yếu.

Quân Đại Việt chốt giữ ở đây đã mai phục cả trên núi và dưới núi chờ sẵn, hễ giặc tiến vào là bắn tên độc khiến chúng phải bật ra. Với lực lượng đông và mạnh mà quân của Trình Bàng Phi phải đánh đến 17 trận mới vượt qua được chốt này để tiến vào sâu trong đất Đại Việt.





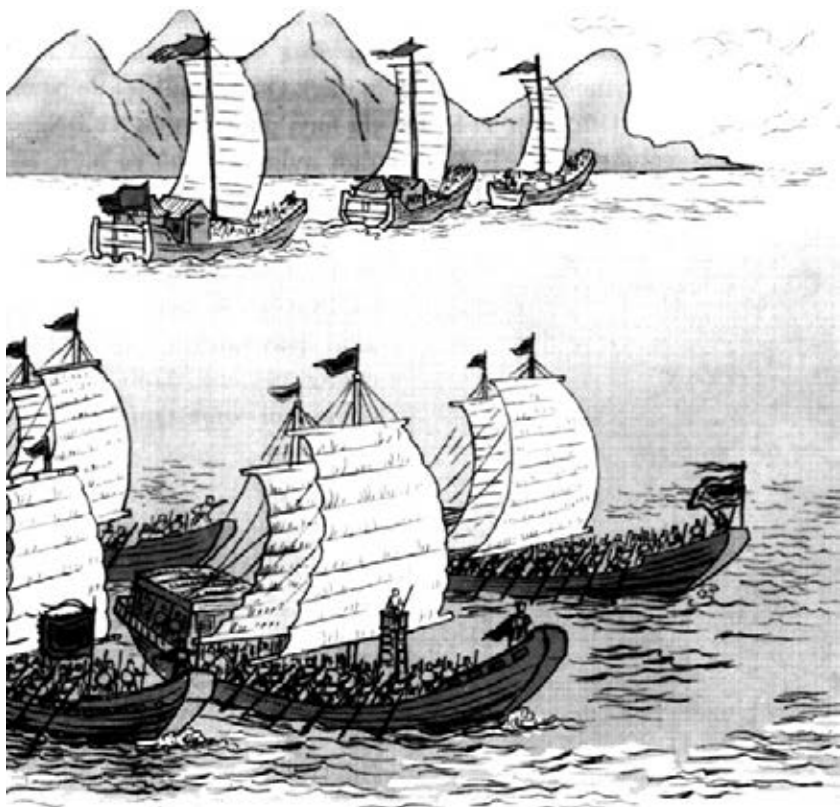
Cùng lúc đó, đại quân của Thoát Hoan do A Ba Tri làm tiên phong cũng tiến qua ải Khả Lợi. Lần này, Hưng Đạo vương không chủ ý chặn giặc lúc chúng đang sung sức nên không dàn trận đánh nhau như hai lần trước mà chỉ cho quân đánh kìm giặc ở một số nơi nhưng lại cho rút nhanh để bảo toàn lực lượng. Vì thế, chỉ trong bốn ngày, đại quân của Thoát Hoan đã tiến xuống được Vạn Kiếp.



Cũng vào ngày 23 tháng 11, đạo quân của Ái Lỗ từ hướng Vân Nam, tiến dọc theo bờ sông Thao đến Bạch Hạc (Phú Thọ). Hãn bị quân Đại Việt do Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật chỉ huy, chặn đánh dữ dội ở cửa sông Việt Trì. Lúc này, quân Nguyên khí thế đang cao nên quân Đại Việt không ngăn cản được phải rút lui. Có hai tướng nhà Trần là Lê Thạch và Hà Anh không may sa vào tay giặc.

Trong khi ấy, về phía biển, đạo quân thủy của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp cũng đã vào cửa Vạn Ninh (thuộc Móng Cái hiện nay). Quân Đại Việt do Nhân Đức hầu Trần Đa chỉ huy, phục binh Mũi Ngọc. Đây là một mỏm núi nhô ra biển, tạo nên một cửa ải tự nhiên, rất thuận tiện cho việc phòng thủ. Đợi tiền quân giặc vượt qua, quân Trần tập kích vào số thuyền đi sau. Ô Mã Nhi phải quay lại ứng cứu. Sau đó, chúng vây núi đánh phá một chập mới vượt qua được cửa Ngọc Sơn...

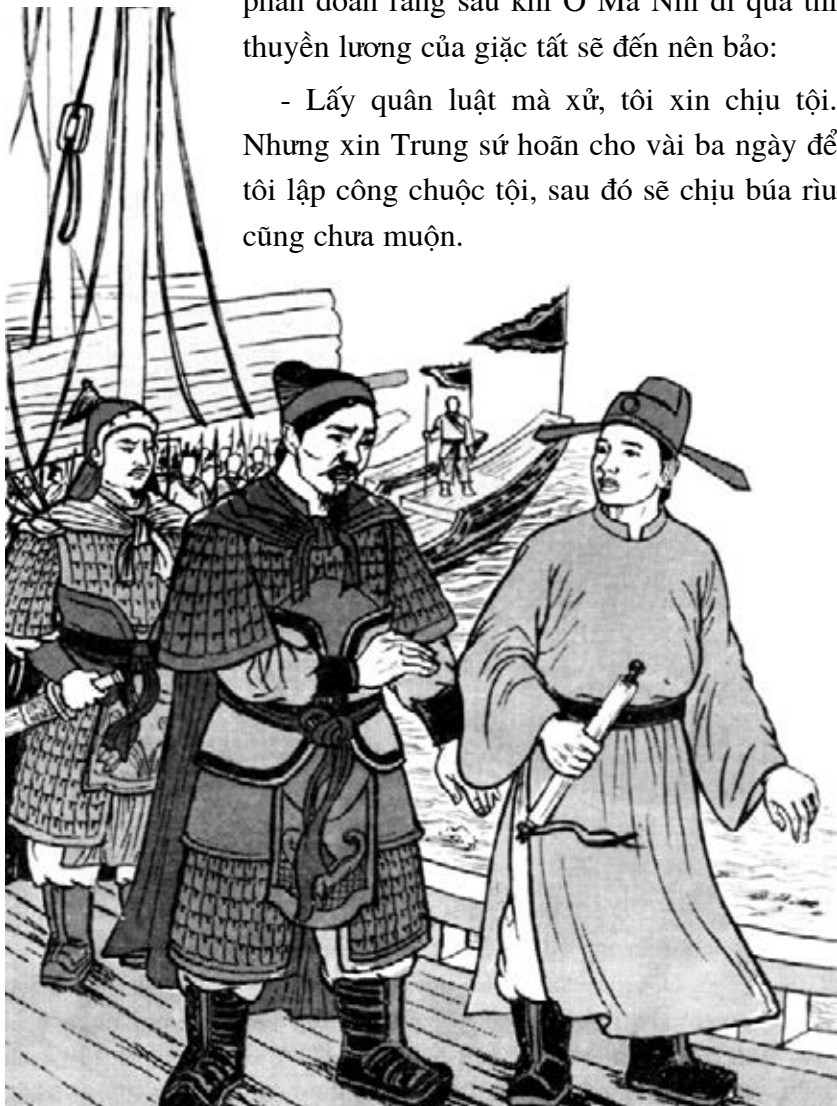




Cuối cùng, đoàn chiến thuyền của Ô Mã Nhi ồ ạt tiến vào vùng biển Vân Đồn. Phó tướng Trần Khánh Dư đã chỉ huy thủy quân Đại Việt chặn đánh quân Nguyên ở nhiều nơi nhưng không cản được bước tiến của giặc, lại còn bị tổn thất, phải rút lui. Ô Mã Nhi đắc thắng vượt qua cửa An Bang (tức cửa sông Chanh, Quảng Yên), ngược theo sông Bạch Đằng tiến về Vạn Kiếp để kịp hội quân với Thoát Hoan, bỏ mặc đoàn thuyền lương chở nặng đang chậm chạp phía sau.

Biết tin Trần Khánh Dư không thực hiện được trọng trách đã nhận lãnh trước triều đình, Thượng hoàng Thánh Tông nổi giận, sai quan Trung sứ bắt ông về kinh đô để xử phạt. Trần Khánh Dư phán đoán rằng sau khi Ô Mã Nhi đi qua thì thuyền lương của giặc tất sẽ đến nên bảo:

- Lấy quân luật mà xử, tôi xin chịu tội. Nhưng xin Trung sứ hoãn cho vài ba ngày để tôi lập công chuộc tội, sau đó sẽ chịu búa rìu cũng chưa muộn.





Được quan Trung sứ chấp thuận, Trần Khánh Dư chỉnh đốn lại quân ngũ và cho phục binh chờ đợi. Quả nhiên, vào đầu tháng 12 âm lịch, đoàn thuyền lương nặng nề của Trương Văn Hổ mới ịch tiến vào vùng biển Vân Đồn. Trần Khánh Dư đốc thúc quân lính tập kích thuyền giặc. Mọi người cố sức chiến đấu vì họ hiểu rằng chỉ có chiến thắng mới cứu được chủ tướng của mình khỏi tội với triều đình.



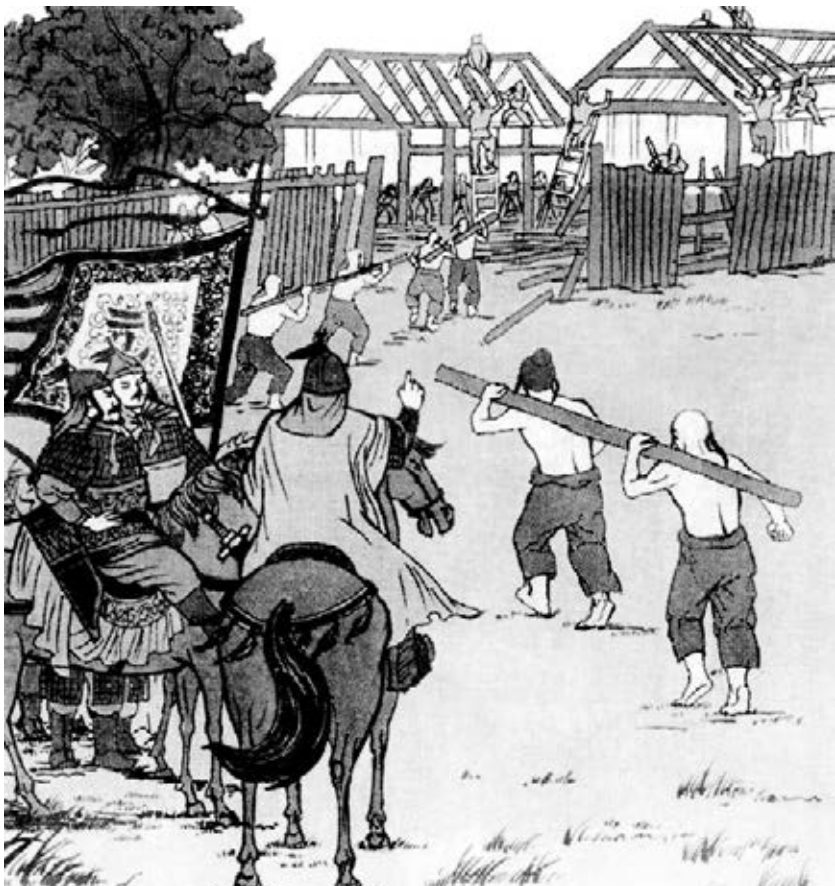
Những chiếc thuyền đầy lương chậm chạp, lại không có quân hộ tống nên không thể chống đỡ được trước sức tấn công như vũ bão của quân Đại Việt. Đội hình của chúng nhanh chóng bị rối loạn. 70 thuyền giặc, số bị chìm, số bị bắt, số còn lại ném gạo xuống sông để dễ bề tẩu thoát. Có thuyền chạy tứ tán, trôi dạt đến tận Chiêm Thành. Tướng cướp Trương Văn Hổ cũng bỏ của chạy lấy người, trốn một mạch về Hải Nam. Có lẽ trong cuộc đời làm cướp biển, hắn chưa bao giờ bị một phen khiếp sợ đến như thế.

Quân Đại Việt thu được một số thuyền, còn lương thực thì nhiều không kể xiết. Tin thắng trận lập tức được báo về triều. Nhận thấy đây là một chiến thắng quyết định, sẽ có ảnh hưởng to lớn đến thế và lực của quân giặc, Thượng hoàng và vua tha tội cho Khánh Dư và bảo:

- Quân Nguyên chỉ nhờ về lương cỏ, khí giới. Nay ta đã bắt được, sợ nó chưa biết còn hung hăng.

Vì vậy, ngài cho thả một số lính Nguyên để về cấp báo cho chủ.





Lúc này, Ô Mã Nhi đã hội quân với Thoát Hoan ở Vạn Kiếp và vẫn chưa hay biết gì về thuyền lương bị đánh. Để biến Vạn Kiếp thành một căn cứ thủy bộ vững chắc cho quân mình, Thoát Hoan ra lệnh dừng quân ở đây gần một tháng và cho hai vạn quân án ngữ ở sông Lục Đầu để bảo vệ. Nghĩ rằng thuyền lương chỉ đến chậm, hấn sai quân dựng sẵn trại gỗ hai núi Phả Lại và Chí Linh để chứa lương và sai Ô Mã Nhi cướp thóc gạo của dân để giải quyết bữa ăn trước mắt.

Thời gian này có một toán quân Nguyên khoảng 5000 tên còn lại ở Tư Minh, dắt díu đám con cháu của những kẻ chiêu hàng như Trần Dục - con Trần Ích Tắc, Nguyễn Lĩnh, Lê Án... tiếp tục tiến vào nước ta. Tưởng rằng Đại Việt đã bị chiếm, chúng nghênh ngang như vào chỗ không người. Vừa đến cửa Nội Bàng (Lạng Sơn), chúng bị quân giữ ải chặn đánh quyết liệt. Bọn tàn binh phải tìm đường tháo chạy.



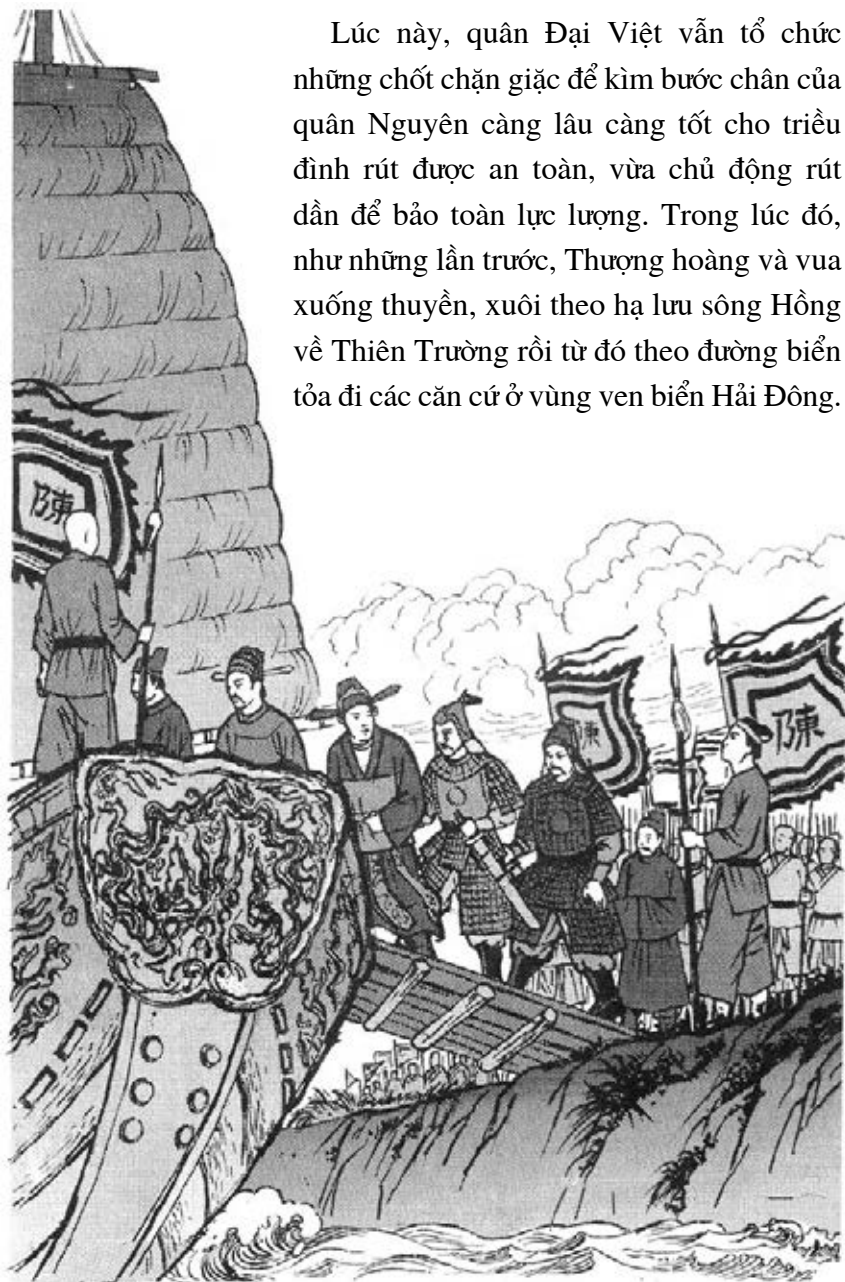
Ngày 23 tháng 12, Thoát Hoan bắt đầu chia quân tiến về Thăng Long. Ô Mã Nhi chỉ huy thủy quân, A Ba Tri chỉ huy quân kỵ bộ. Phàn Tiếp đem quân hộ vệ Thoát Hoan đi theo sông Đuống. Trần Hưng Đạo cho quân giữ cửa Đại Than (Gia Bình, Bắc Ninh) để ngăn quân Nguyên vượt sông Hồng vào Thăng Long. Ngày 26, tướng nhà Trần là Nguyễn Thúc cho lấp cửa sông Đuống và dàn thuyền cự giặc. Quân của Ô Mã Nhi vượt qua được, tiến đến Gia Lâm và ra sông Hồng.



Khi ấy, cánh quân đi theo đường Vân Nam của Ái Lỗ cũng đang trên đường tiến về Thăng Long để phối hợp cùng quân của Thoát Hoan. Trên đường tiến quân, Ái Lỗ đã phải giao tranh với quân Đại Việt gần 20 lần. Quân Đại Việt vừa đánh vừa rút với mục đích làm tiêu hao sinh lực địch và bảo toàn lực lượng của mình. Cuối cùng, Ái Lỗ cũng gặp được quân của Thoát Hoan ở sông Hồng.



Lúc này, quân Đại Việt vẫn tổ chức những chốt chặn giặc để kìm bước chân của quân Nguyên càng lâu càng tốt cho triều đình rút được an toàn, vừa chủ động rút dần để bảo toàn lực lượng. Trong lúc đó, như những lần trước, Thượng hoàng và vua xuống thuyền, xuôi theo hạ lưu sông Hồng về Thiên Trường rồi từ đó theo đường biển tỏa đi các căn cứ ở vùng ven biển Hải Đông.





Vì thế, khi Thoát Hoan vào được Thăng Long thì kinh thành cũng như bao lần trước, đã vườn không nhà trống. Hãn lập tức sai Ô Mã Nhi chỉ huy thuyền chiến gấp rút đuổi theo còn hãn dẫn đại quân đuổi bằng đường bộ ở phía sau. Nhớ lại nỗi nhục nhã của lần thất trận vừa rồi, Ô Mã Nhi bắn tin đe dọa nhà vua: “Người chạy lên trời ta theo lên trời, người chạy xuống đất ta theo xuống đất, người trốn lên núi ta theo lên núi, người lặn xuống nước ta theo xuống nước...”.

Nhưng, tuy đã lùng sục khắp nơi, Ô Mã Nhi vẫn không thể nào tìm ra được vua Trần. Hấn tức tối cho quân đốt phá làng mạc, giết chóc không từ một ai và cướp bóc bất kỳ thứ gì. Ô Mã Nhi còn hèn hạ kéo quân đến phủ Long Hưng (Thái Bình), tìm đến Chiêu lăng (nơi chôn cất của tổ tiên nhà Trần) để khai quật mộ vua Trần Thái Tông.





Ngày 4 tháng giêng năm 1288, sau chuyến đuổi theo vua Trần thất bại, Thoát Hoan đem quân trở về Thăng Long. Vẫn chưa hay biết chuyện thuyền lương đi sau đã tan tác, hấn một mặt sai Ô Mã Nhi đi đón Trương Văn Hổ, một mặt cho quân lùng sục cướp bóc lương thực của dân chúng. Nhưng dân quanh vùng đều đã cất giấu lúa gạo và bỏ trốn nên quân Nguyên lâm vào cảnh thiếu đói.



Đã vậy, đêm nào quân Đại Việt cũng phối hợp cùng các dân binh tập kích vào trại giặc khiến bọn lính Nguyên ngủ không yên giấc. Vừa đói, vừa mệt, chúng không còn sức chiến đấu nữa. Trong lúc đó, vua Trần cho Hưng Ninh vương Trần Tung đến trại Thoát Hoan giả vờ hẹn hàng nhưng cứ lần lừa hết lần này đến lần khác khiến quân Nguyên thấp thỏm chờ đợi mất hết cả nhuệ khí.

Thấy ở lại Thăng Long không có lợi, ngày 2 tháng 2 năm ấy, Thoát Hoan quyết định rút về Vạn Kiếp để mong gặp lại các cánh quân khác. Trên đường rút, chúng bị quân Đại Việt đón đánh khắp nơi. Những đồn trại mà quân Nguyên chốt giữ ở những nơi hiểm yếu hầu hết đều bị thất thủ. Cố gắng lắm Thoát Hoan mới về được đến Vạn Kiếp.



Trong khi đó, Ô Mã Nhi vâng mệnh Thoát Hoan đi đón thuyền lương của Trương Văn Hổ cũng gian nan không kém. Ngày 8 tháng Giêng, đoàn quân thủy của Ô Mã Nhi đến cửa Đại Bàng (Văn Úc), bị quân thủy Đại Việt chặn đánh. Chúng cố chống trả và vượt qua được, nhưng đến Đồ Sơn lại bị tập kích, nên mãi mới đến được An Bang.



Tại đây, Ô Mã Nhi cho quân sục sạo khắp nơi để tìm kiếm nhưng chẳng thấy bóng dáng một chiếc thuyền lương nào. Mãi sau, gặp bọn tàn quân do trước đây vua Trần thả ra để báo tin, hãn mới biết chuyện Trương Văn Hổ thua trận và thuyền lương đã về tay quân Đại Việt. Hoảng hốt, hãn vội quay trở lại Thăng Long. Sợ Thoát Hoan trị tội, trên đường về hãn ra tay cướp bóc vợ vết bất cứ thứ gì ăn được.





Tin thuyền lương bị tấn công càng khiến tinh thần quân Nguyên sa sút một cách thảm hại. Đã vậy, lúc này, những đội cảm tử của quân dân Đại Việt liên tục tập kích vào căn cứ Vạn Kiếp không chỉ ban đêm mà cả ban ngày. Lúc nào cũng nơm nớp lo sợ bị tấn công bất ngờ, quân Nguyên vô cùng hoang mang. Chúng không dám làm gì ngoài việc ngồi chờ quân Trần đến đánh. Để phòng ngự, chúng dựng thêm rào gỗ, tăng thêm quân tuần tra ở các đồn trại.



Không chỉ bọn lính hoang mang mà ngay cả bọn tướng Nguyên cũng lo sợ, tên nào tên ấy đều khuyên Thoát Hoan nên rút về. Chúng nói: “Ở Giao Chỉ không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn mà thuyền lương của Trương Văn Hổ lại không đến. Vả lại, khí trời đã nóng nực, sợ lương hết, quân mệt, không lấy gì để chống giữ lâu được, làm hổ thẹn cho triều đình, nên toàn quân mà về thì hơn”.

Trước tình thế ấy, Thoát Hoan vô cùng phân vân. Sự thất bại lần trước không cho phép hắn dễ dàng chấp nhận rút lui. Đường đường là một đấng Thái tử của đất nước Đại Nguyên hùng mạnh, đi đến đâu thiên hạ chỉ nghe danh cũng đã phải khiếp sợ, không lẽ lại cứ thất bại mãi trước một đất nước bằng nắm tay này sao? Nhưng tình thế tuyệt lương thực, quân sĩ bệnh hoạn buộc hắn phải buồn rầu thừa nhận: “Ở đây nóng nực ẩm thấp, lương hết, quân mệt...” và đồng ý rút quân về.



Việc thuyền lương bị tấn công khiến quân Nguyên lúc đầu định hủy thuyền và rút tất cả về bằng đường bộ. Nhưng sau khi bàn đi tính lại, Thoát Hoan quyết định rút quân bằng cả đường thủy lẫn đường bộ. Để yên lòng quân thủy, hấn cho Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đưa quân thủy đi trước và sai Trình Bằng Phi đem kỵ binh men theo bờ sông hộ tống.

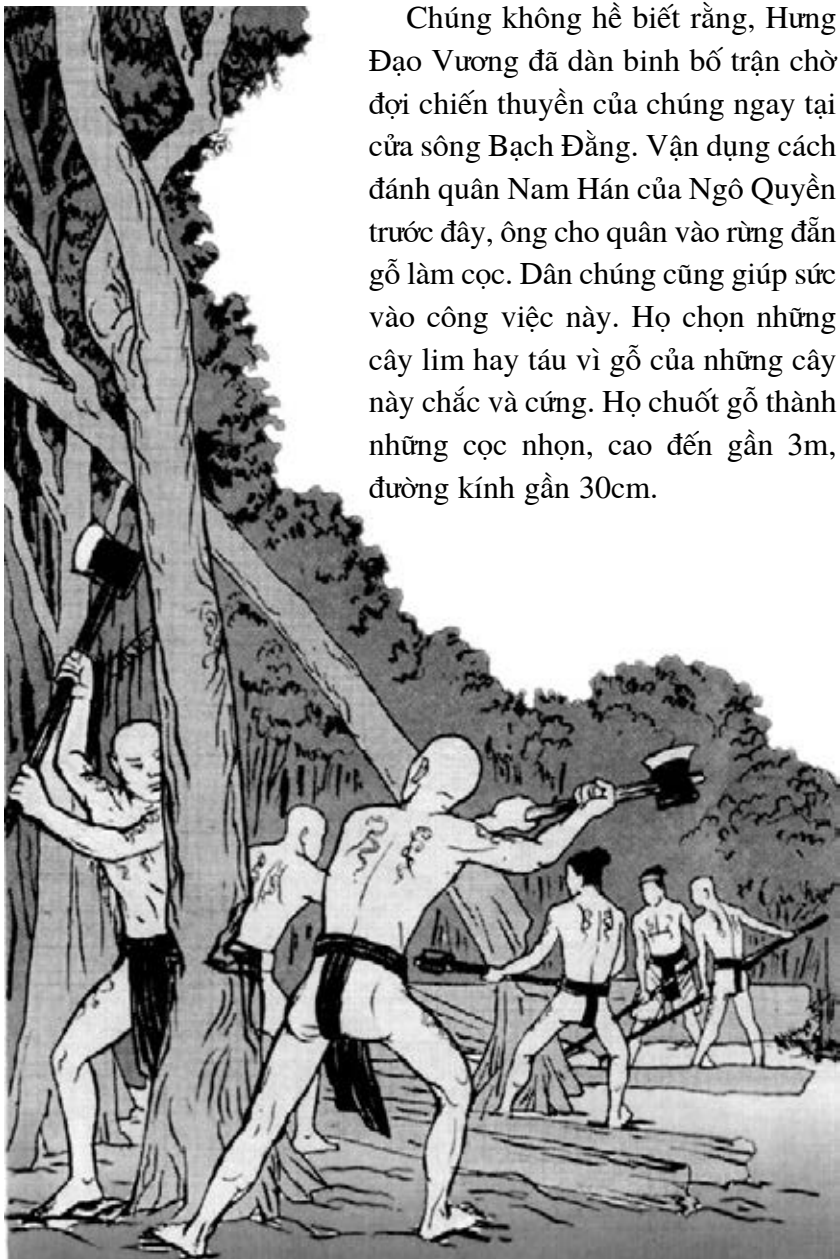




Nghe quân thám sát cấp báo việc quân giặc rút lui, vua quan nhà Trần gấp rút chuẩn bị phản công. Những đường bộ, đường thủy quân Nguyên sẽ đi qua đều bị quân dân Đại Việt phục binh, phá cầu, xẻ đường. Vì vậy, kỵ binh của Trình Bằng Phi bị nghẽn không đi tiếp được. Hãn bèn bỏ mặc quân thủy, sai lính đi bắt một số dân thường, buộc họ đang đêm phải dẫn đường cho hãn quay lại Vạn Kiếp.



Còn lại đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp vẫn hối hả xuôi theo sông Bạch Đằng để mau chóng ra biển. Sau chuyến đi tìm kiếm Trương Văn Hổ, quân của Ô Mã Nhi đã rất mệt. Đã vậy, về đến Vạn Kiếp chưa được nghỉ ngơi, lại được lệnh lên đường về nước. Chúng vừa kiệt sức, lại mang tâm trạng của kẻ bại trận, nên không còn hồ hởi như lúc mới đến, chỉ mong sao được toàn mạng trở về.



Chúng không hề biết rằng, Hung Đạo Vương đã dàn binh bố trận chờ đợi chiến thuyền của chúng ngay tại cửa sông Bạch Đằng. Vận dụng cách đánh quân Nam Hán của Ngô Quyền trước đây, ông cho quân vào rừng đẵn gỗ làm cọc. Dân chúng cũng giúp sức vào công việc này. Họ chọn những cây lim hay táu vì gỗ của những cây này chắc và cứng. Họ chuốt gỗ thành những cọc nhọn, cao đến gần 3m, đường kính gần 30cm.

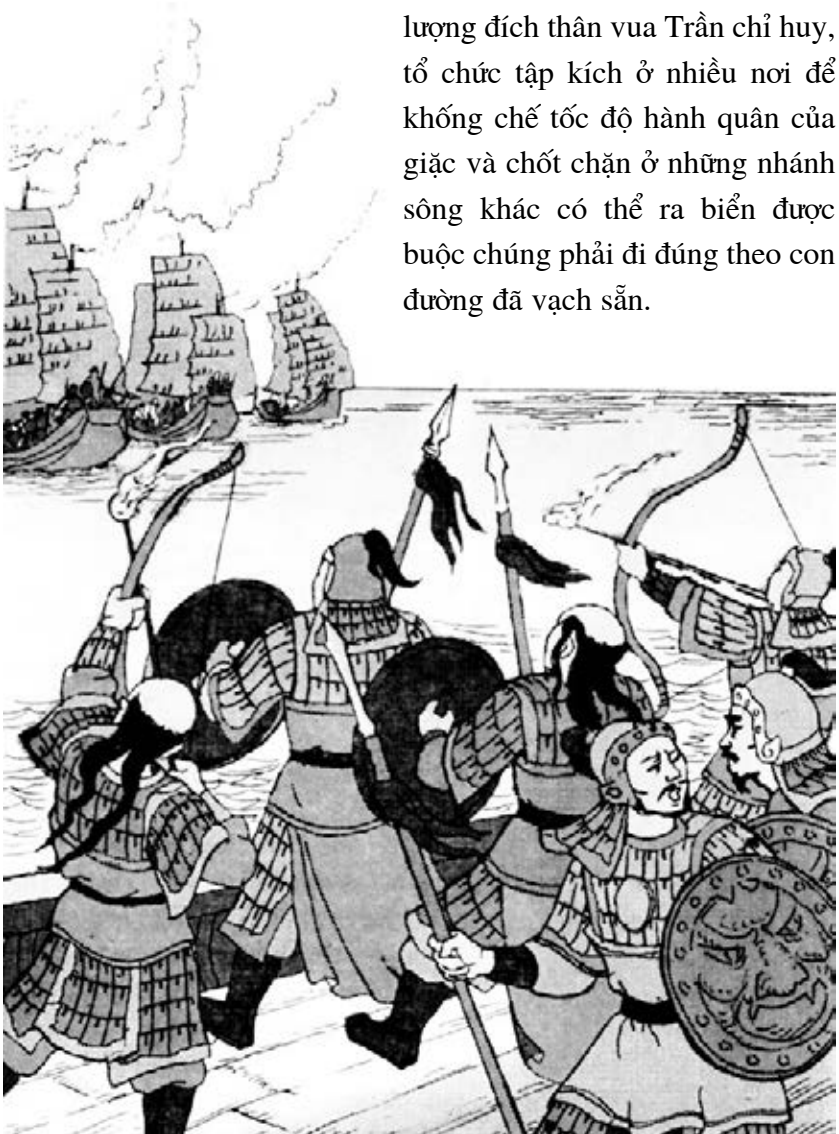
Sau đó, Trần Hưng Đạo cho đóng cọc xuống khúc sông gần ngã ba sông Chanh, một chi lưu của sông Bạch Đằng đổ ra biển. Đây là khúc sông rộng, gần cửa sông nên chịu ảnh hưởng lớn của thủy triều. Những chiếc cọc nhọn được đóng sao cho khi thủy triều lên thì không nhìn thấy, nhưng khi nước rút thì nhô ra làm vướng thuyền địch. Những người thợ lặn tài ba như Yết Kiêu lại có dịp tỏ tài. Họ lặn xuống kiểm soát kỹ càng hướng và độ vững của từng chiếc cọc.

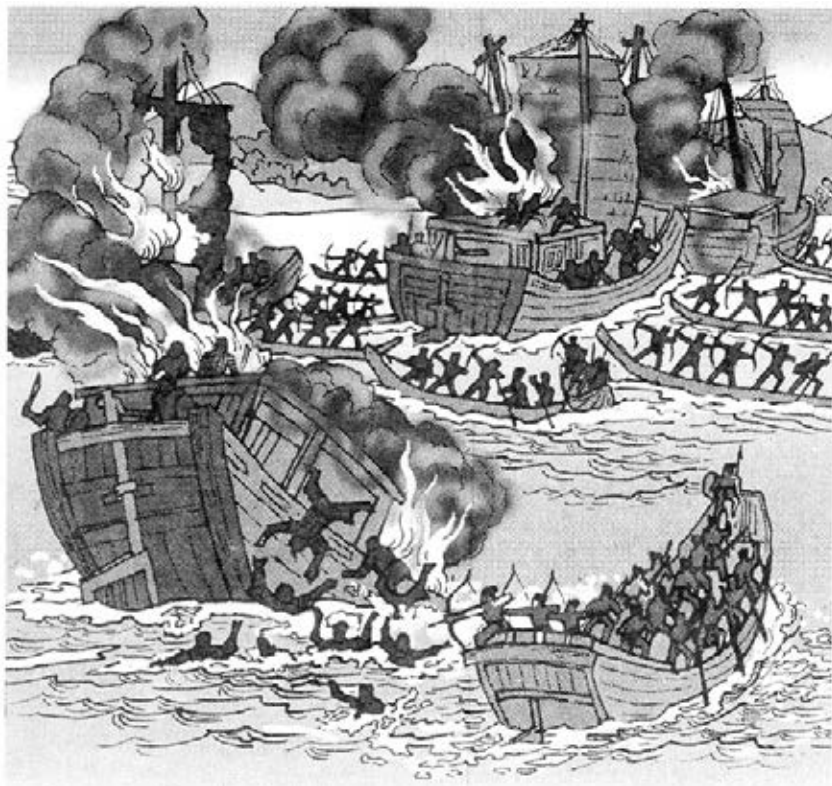




Không bao lâu, bãi cọc nguy hiểm đã hình thành. Hưng Đạo Vương cho bố trí trận địa mai phục ở hai bên bờ. Ông còn cho quân chuẩn bị nhiều chất đốt dẫu trong những luồng lạch gần đó để khi cần có thể đánh hỏa công. Mọi việc được tiến hành một cách khẩn trương nhưng không kém phần chu đáo, cẩn trọng.

Trong khi quân của Trần Hưng Đạo chuẩn bị trận địa cọc chờ đoàn thuyền của Ô Mã Nhi thì một lực lượng đích thân vua Trần chỉ huy, tổ chức tập kích ở nhiều nơi để khống chế tốc độ hành quân của giặc và chốt chặn ở những nhánh sông khác có thể ra biển được buộc chúng phải đi đúng theo con đường đã vạch sẵn.





Vì thế, suốt chặng đường hành quân từ Vạn Kiếp ra biển để về nước, đội thuyền của Ô Mã Nhi không lúc nào được yên thân. Một trận đánh lớn đã xảy ra tại Chúc Động, nơi mà không lâu trước đây, A Ba Tri đã thất bại. Lần này, quân Trần thiệt hại 20 chiến thuyền nhưng lại thành công trong việc đánh ép cho thủy quân Nguyên phải bỏ đường định đi để chuyển hướng về phía tả ngạn sông Chanh, nơi trận địa cọc kinh hồn của Trần Hưng Đạo đang đón đợi.

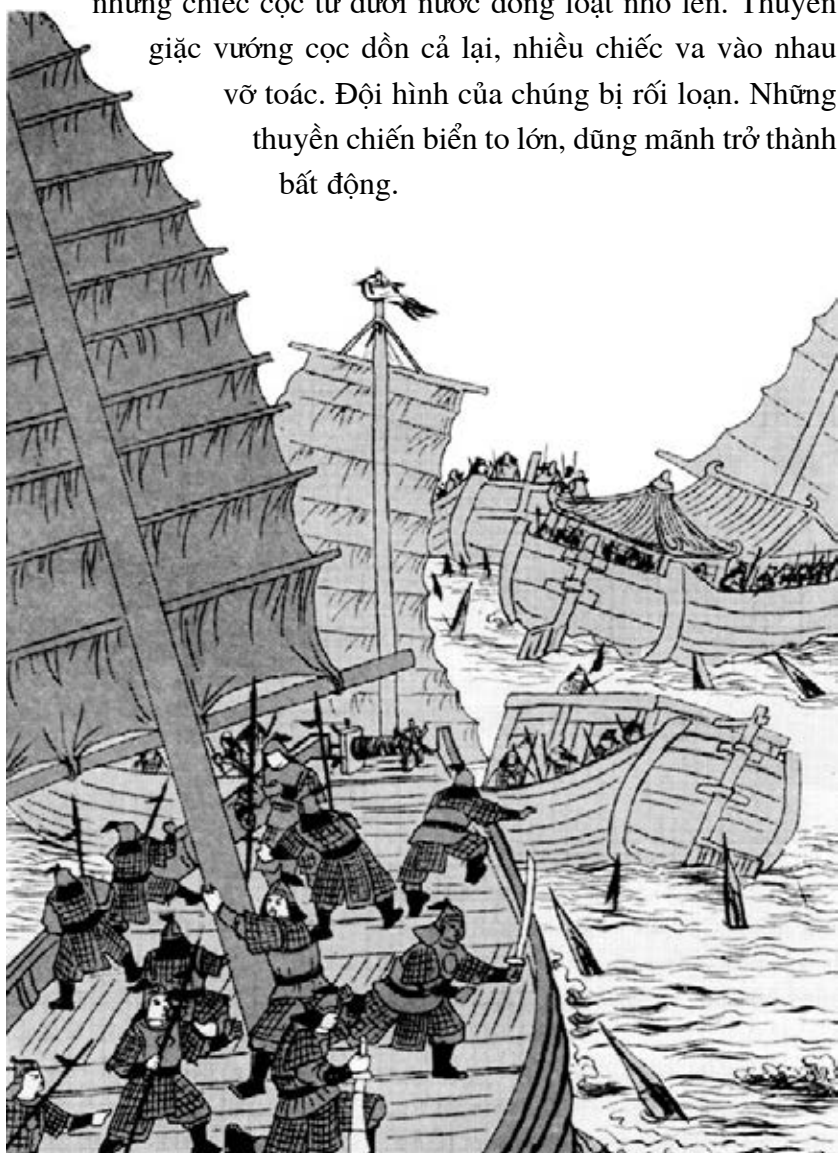
Sáng sớm ngày 8 tháng 3 âm lịch, vào khoảng 5 giờ sáng, đoàn thuyền của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đi đến gần cửa sông Bạch Đằng. Ngày hôm ấy là kỳ nước cường, thủy triều cao nhất vào khoảng từ nửa đêm cho đến sáng và thủy triều thấp nhất là vào giữa trưa. Đúng như dự định, khi thuyền giặc đến là lúc nước triều lên cao, bãi cọc được nước che lấp, chỉ còn một màn nước trắng xóa, hiền hòa, với những ngọn sóng nhè nhẹ, dập dềnh đến tận những bụi lau lách ven bờ.





Lúc này Ô Mã Nhi hoàn toàn yên tâm, bởi chẳng còn bao xa nữa là ra đến biển, vả lại y vừa bắt được một số thuyền chiến của quân Trần, khi về nước cũng có cái để lập công chuộc tội. Vì thế, y cho thuyền đi chậm lại. Bất ngờ, tướng Trần là Nguyễn Khoái cùng một đội quân cảm tử đem thuyền ra khiêu chiến, rồi giả vờ thua chạy. Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp hí hửng dẫn binh thuyền đuổi theo. Cứ thế, đoàn thuyền chiến của quân Nguyên dần dần tiến gần đến trận địa phục kích. Thấy nước thủy triều còn cao, Nguyễn Khoái và đội cảm tử quay lại đánh để kìm chân giặc, không cho vượt qua bãi cọc.

Gần trưa, nước triều rút dần, quân Trần quay thuyền bỏ chạy. Ô Mã Nhi lập tức cho quân chèo hết tốc lực đuổi theo. Bất ngờ, những chiếc cọc từ dưới nước đồng loạt nhô lên. Thuyền giặc vướng cọc dồn cả lại, nhiều chiếc va vào nhau vỡ toác. Đội hình của chúng bị rối loạn. Những thuyền chiến biển to lớn, dũng mãnh trở thành bất động.



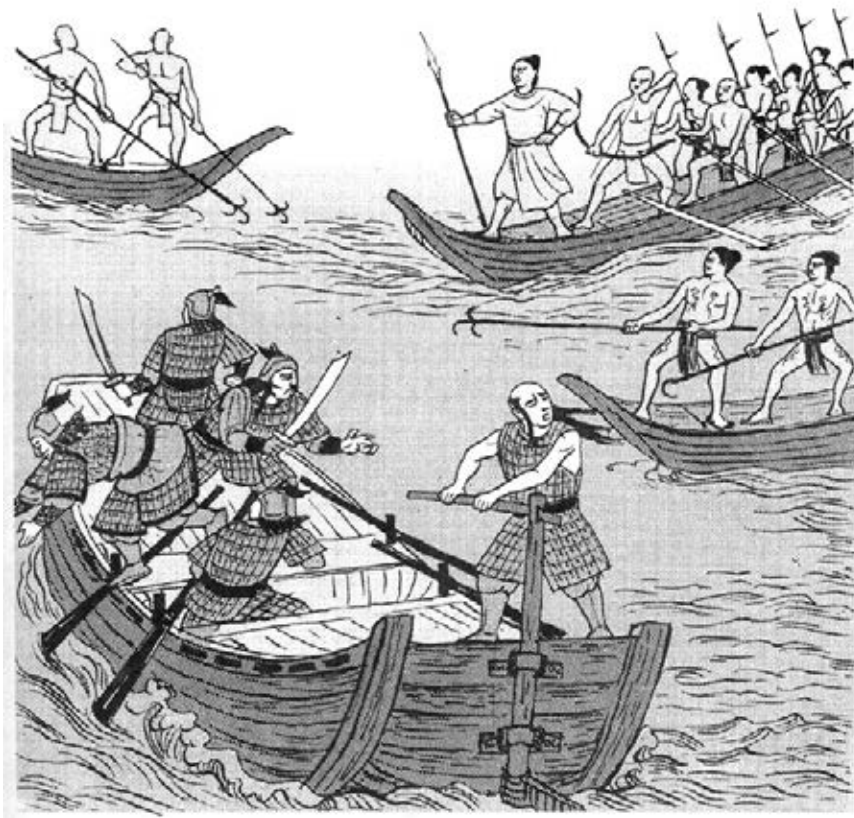


Quân Nguyên đang hoảng hốt thì một loạt trống lệnh vang lên dồn dập, những chiếc bè hỏa công từ những lạch nước gần đấy được thả xuống, trôi len lỏi vào giữa đội hình của chúng. Lửa gặp gió thuận, bắt vào thuyền quân Nguyên cháy phần phật. Một bên lửa cháy, một bên quân Trần đánh thốc tới, đám lính Nguyên thất kinh hồn vía, giẫm đạp lên nhau, chen chúc để nhảy xuống sông, chết đuối vô số.

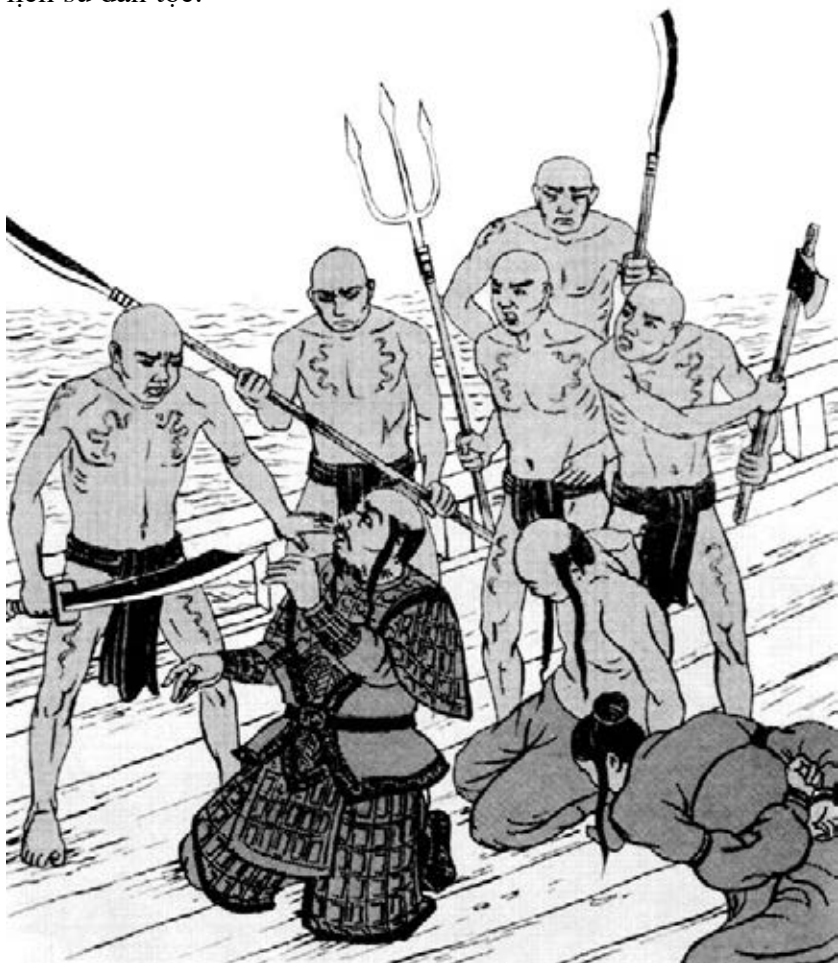


Trên bờ, phục binh Đại Việt từ hai phía ào ào đổ ra phối hợp với quân cảm tử xông lên thuyền giặc. Những tên lính Nguyên thoát được lên bờ lập tức bị dân binh truy kích. Thượng hoàng và nhà vua cũng thân hành đem đại quân đến tiếp ứng. Những mũi tên từ các thuyền của quân Trần bắn ra như mưa khiến quân Nguyên không còn biết trốn chạy vào đâu, cứ co cụm một chỗ cho quân Trần tới tiêu diệt.

Lúc này, Phàn Tiếp đã bị thương, thuyền của hắn lại bị cọc đâm sắp chìm. Hắn lúnh quýnh nhảy xuống sông. Quân Đại Việt phát hiện được, dùng câu liêm móc vào người hắn kéo lên, bắt sống. Tên tướng Nguyên oai dũng, sấm sét ngày nào, nay chỉ là một tên tù binh ướt nhẹp, run rẩy, quỳ mọp cầu xin tha mạng.



Trận chiến kéo dài đến xế chiều thì kết thúc. Toàn bộ đoàn chiến thuyền của Ô Mã Nhi bị tiêu diệt. Ô Mã Nhi cũng bị bắt sống tại trận. Quân Đại Việt thu được khoảng 400 chiếc thuyền cùng những của cải mà quân giặc đã vơ vét cướp bóc định đem về nước. Chiến thắng Bạch Đằng kết tinh thuyền thống yêu nước và tài năng quân sự của quân Đại Việt mãi mãi sáng chói trong lịch sử dân tộc.

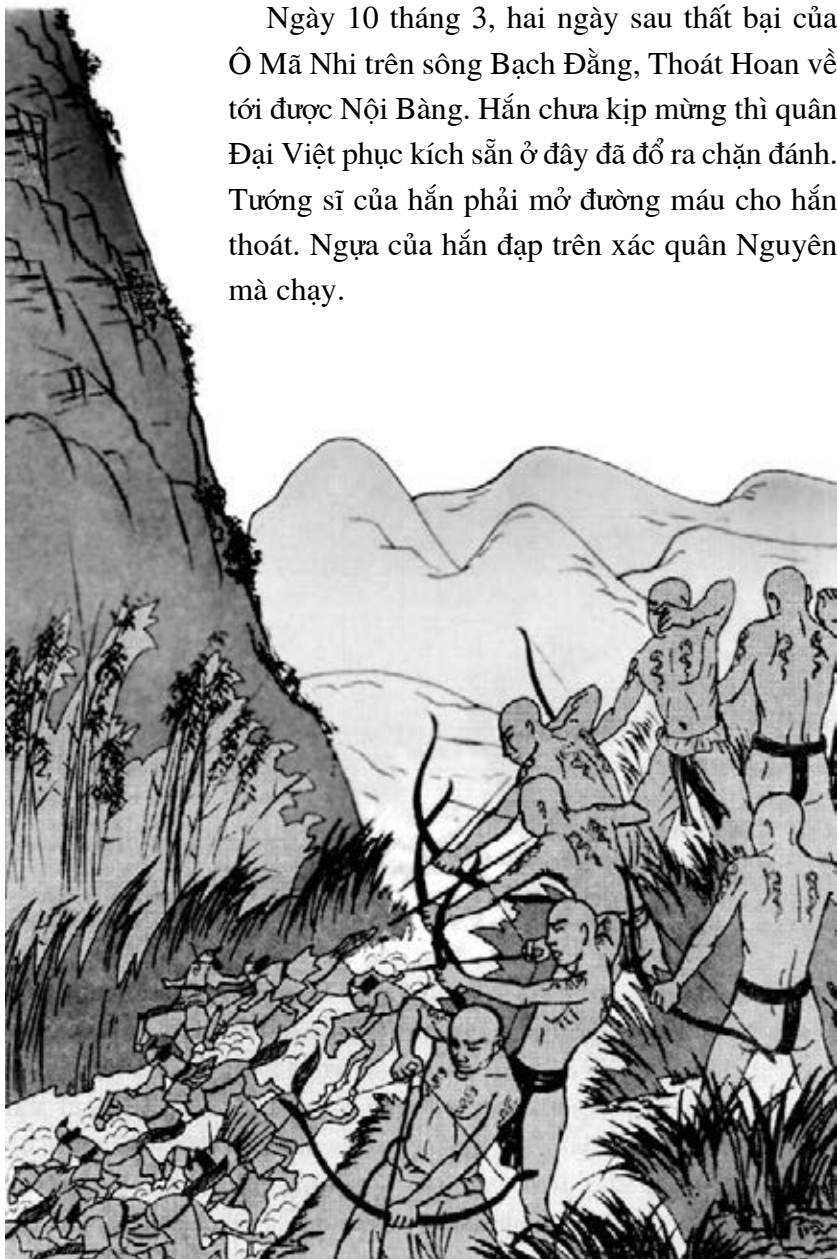




Trong khi đó, đạo quân bộ của Thoát Hoan cũng chẳng may mắn gì hơn. Ngay khi Trình Bằng Phi hộ tống quân thủy không được phải quay lại, Thoát Hoan đã hiểu rằng cuộc rút lui lần này cũng cam go không kém gì lần trước. Ngày 7 tháng 3, đại quân của hãn rời Vạn Kiếp. Lúc đầu, hãn định chia quân rút theo hai ngã Đông - Tây như lúc đến để quân Đại Việt phải phân tán lực lượng cho dễ đối phó. Nhưng cánh phía Tây do Tích Đô Nhi (*) chỉ huy bị chặn đánh, tên này không thông thạo địa hình nên đành quay lại nhập cùng với cánh của Thoát Hoan.

(*) tên Mông Cổ là Siktur

Ngày 10 tháng 3, hai ngày sau thất bại của Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng, Thoát Hoan về tới được Nội Bàng. Hãn chưa kịp mừng thì quân Đại Việt phục kích sẵn ở đây đã đổ ra chặn đánh. Tướng sĩ của hãn phải mở đường máu cho hãn thoát. Ngựa của hãn đạp trên xác quân Nguyên mà chạy.



Rút kinh nghiệm trận Nội Bàng, Thoát Hoan phái một tướng chỉ huy ba ngàn quân tinh nhuệ đi phía sau để hộ vệ cho hãn. Nhưng suốt từ Nội Bàng đến biên giới, quân Đại Việt kết hợp với dân binh đã rải ra chốt giữ những nơi hiểm yếu để tập kích giặc. Từ trong rừng rậm hoặc trên núi, những mũi tên độc lúc lúc lại bất thần đổ xuống như mưa khiến quân Nguyên bị hao hụt không kể xiết.



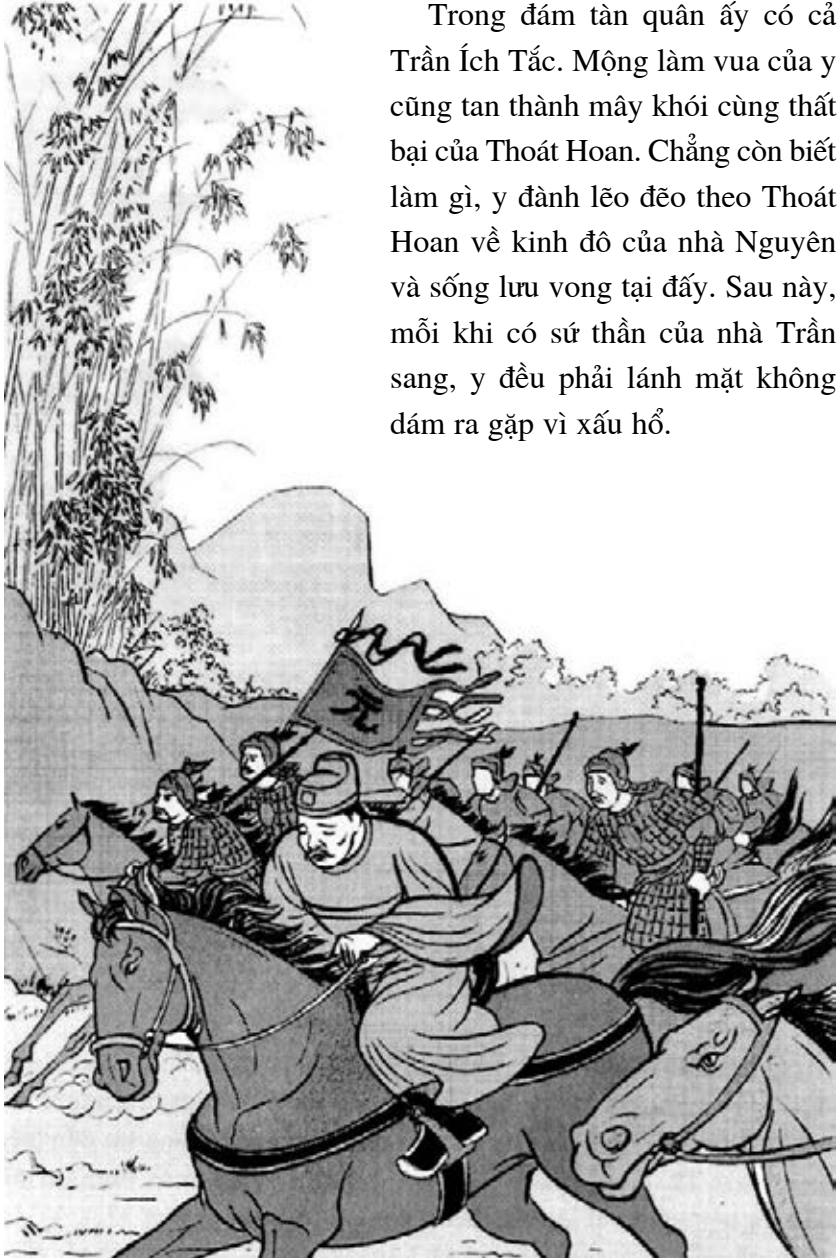
Tên tướng A Ba Tri cũng không thoát, hấn bị trúng ba mũi tên độc. Chẳng bao lâu các vết thương đều sưng tấy lên khiến hấn đau đớn không thể ngồi trên lưng ngựa. Bọn lính phải làm cáng khiêng hấn nhưng đến gần biên giới thì hấn chết. Thoát Hoan thấy thế rất sợ hãi. Không có sẵn ống đồng để chui như lần trước, Thoát Hoan bắt quân hộ vệ phải bao vây xung quanh, dùng khiên che kín khắp người hấn.





Quân Đại Việt còn đào hố để bẫy ngựa của quân Nguyên khiến cả người lẫn ngựa sụp xuống hầm chông mà chết. Quân Nguyên lâm vào cảnh vô cùng khốn đốn. Thoát Hoan đành phải tìm đường tắt đến biên giới. Ngày 18 tháng 3 hần về đến Tư Minh, nơi mà mấy tháng trước hần đã hội quân với khí thế bừng bừng để xâm lăng Đại Việt. Về lại chốn cũ, nhìn đám tàn quân toi tả, hần chán ngán cho giải tán tất cả.

Trong đám tàn quân ấy có cả Trần Ích Tắc. Mộng làm vua của y cũng tan thành mây khói cùng thất bại của Thoát Hoan. Chẳng còn biết làm gì, y đành lêo đéo theo Thoát Hoan về kinh đô của nhà Nguyên và sống lưu vong tại đấy. Sau này, mỗi khi có sứ thần của nhà Trần sang, y đều phải lén lút không dám ra gặp vì xấu hổ.





Ngày 17 tháng 3 năm 1288, sau đại thắng giặc Nguyên - Mông lần thứ ba, Thượng hoàng Thánh Tông cùng vua Trần Nhân Tông và triều đình về phủ Long Hưng, nơi đặt lăng mộ của tổ tiên họ Trần, để sửa sang phần mộ tiên đế Thái Tông đã bị quân Nguyên đào phá.

Thấy chân con ngựa đá đặt trước
lăng lăm đầy bùn đất như cũng vừa
mới xông pha chiến trận trở về, vua
Nhân Tông cảm khái viết lên mấy câu
thơ vẫn còn truyền đến ngày nay:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.
(Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông ngàn thuở vững âu vàng).*





Ngày 27 tháng 3, xa giá của Thượng hoàng và vua về kinh ca khúc khải hoàn. Ngài cho sửa sang lại cung điện và ban lệnh đại xá cho thiên hạ. Nơi nào bị giặc cướp phá thì được miễn tô và tạp dịch, các nơi khác tùy nơi mà được miễn giảm một vài phần. Sau đó, vì mong muốn yên bình cho đất nước, nhà vua cho em của Đỗ Khắc Chung là Đỗ Thiên Hứ sang Nguyên để giảng hòa.



Hốt Tất Liệt sau ba lần thất bại vẫn rất hống hách. Y tiếp sứ nhà Trần nhưng yêu sách đòi vua Trần phải sang châu và phải trả Ô Mã Nhi cùng Phàn Tiếp về. Vua Trần không sang châu nhưng đồng ý trả tù binh. Lúc đó Phàn Tiếp đã bị bệnh chết, chỉ còn Ô Mã Nhi. Hắn là tên tướng tham tàn, giết người cướp của không gớm tay, phá lăng mộ của Tiên đế, lại từng đe dọa sẽ theo giết bằng được nhà vua bất kỳ ngài chạy đi đâu... Vì thế, triều thần ai nấy đều không đồng tình.

Để Hốt Tất Liệt không có cơ gây khó dễ cho đất nước, mùa xuân năm Kỷ Sửu (1289), vua Nhân Tông vẫn cấp thuyền và cho phép Ô Mã Nhi trở về nước. Nhưng vì muốn trừ hậu hoạn, ngài cho người lặn xuống đục thuyền khiến hãn bị chết chìm giữa biển.



Sau khi đánh tan quân giặc, vua Trần định công tội cho những người tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba. Những vương hầu có công đều được thăng chức. Hưng Đạo Vương được phong làm Đại vương Thượng quốc công, một chức có quyền phong tước cho người khác. Trần Khánh Dư được tha tội và được ban thưởng. Đỗ Khắc Chung cũng được vinh hạnh mang họ của nhà vua, vì thế sau này sử sách đều gọi ông là Trần Khắc Chung.





Các thủ lĩnh người dân tộc đã từng đem dân binh ra hợp lực với quân triều đình đều được phong tước hầu. Các gia nô có công như Yết Kêu và Dã Tượng đều được trọng vọng. Sách *Trung Hưng thực lục* được biên soạn để ghi chép lại công lao của các tướng sĩ.

Một ngôi lầu nguy nga mang tên là gác Công Thần được xây lên. Tại đây sách *Trung Hưng thực lục* được tàng trữ. Ngoài ra, các công thần còn được vẽ hình để treo ở lầu cho mọi người đến chiêm ngưỡng.





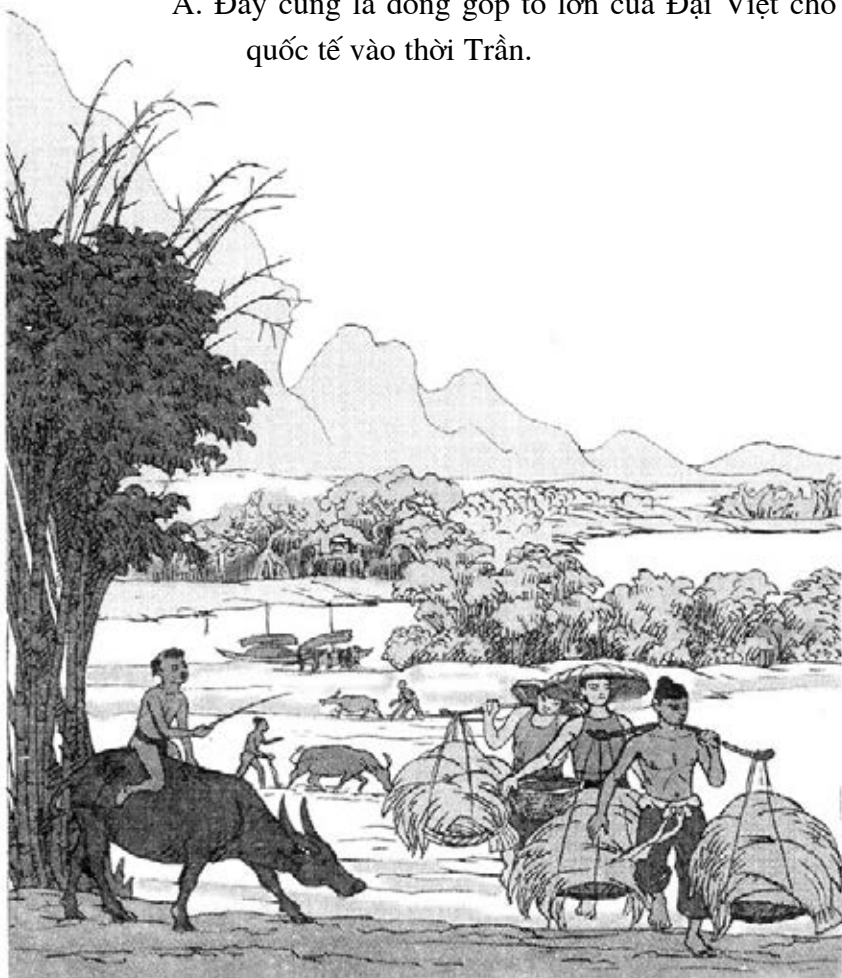
Nhiều người trước đây vì bị giặc bắt buộc nên phải viết biểu hàng, nay đất nước đã yên bình, họ tỏ ra lo lắng, sợ nhà vua bắt tội. Biết họ bị o ép nên mới phải làm như thế, nhà vua không những không xét tội mà vâng lời Thượng hoàng, ngài còn cho đốt hết các biểu hàng đi để tắt cả an tâm, tập trung vào việc củng cố và xây dựng đất nước.

Riêng đối với những người thực sự đã ra hàng thì nhà vua trị tội rất nặng. Nhất là những người trong hoàng tộc mà ra hàng và hợp tác với quân Nguyên, ngài đều bắt buộc phải đổi họ khác và đưa xuống làm lao dịch, suốt đời không được hưởng một khoản đãi nào.

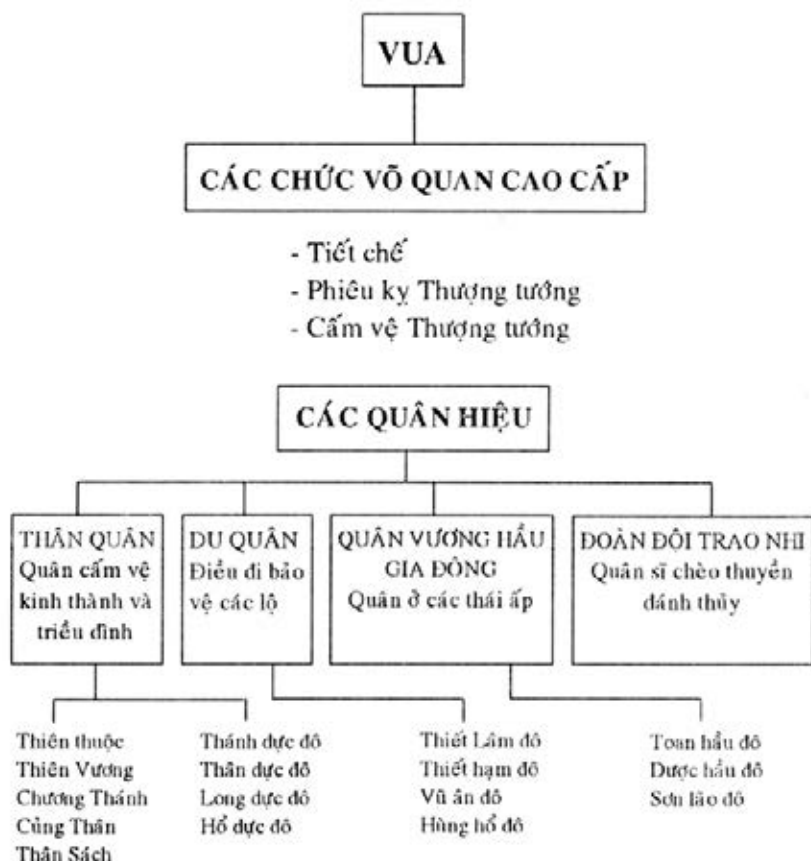


Chiến thắng giặc Nguyên - Mông là một dấu son lớn trong lịch sử Việt Nam. Một nước Đại Việt nhỏ bé đã ba lần đánh thắng kẻ thù hung tàn, mạnh nhất thế giới lúc ấy. Chiến thắng này không những đem lại thanh bình cho đất nước mà còn khiến quân Nguyên không thể tiếp tục cuộc chống Nhật Bản, và hơn thế nữa, chúng không thể nào tiến xuống để xâm lăng các nước Đông Nam

Á. Đây cũng là đóng góp to lớn của Đại Việt cho quốc tế vào thời Trần.



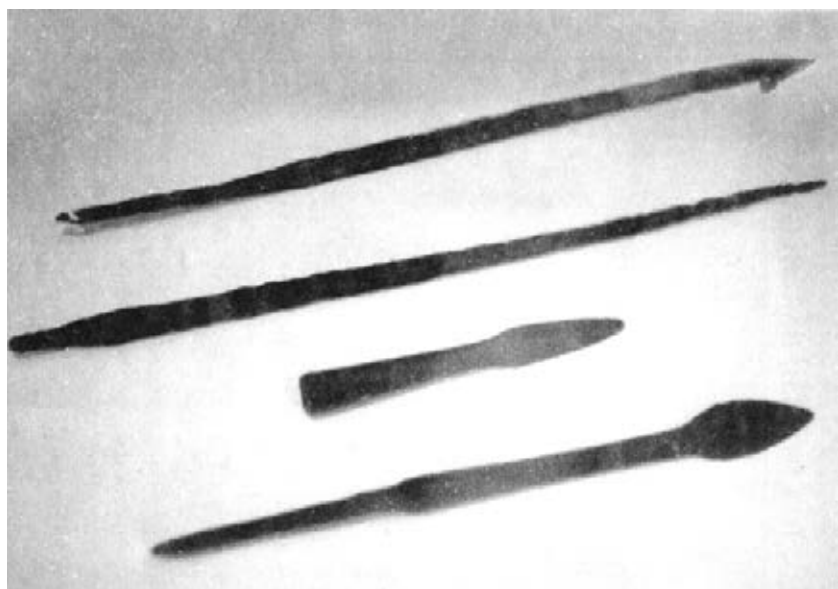
HỆ THỐNG TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI THỜI TRẦN (1226 – 1400)

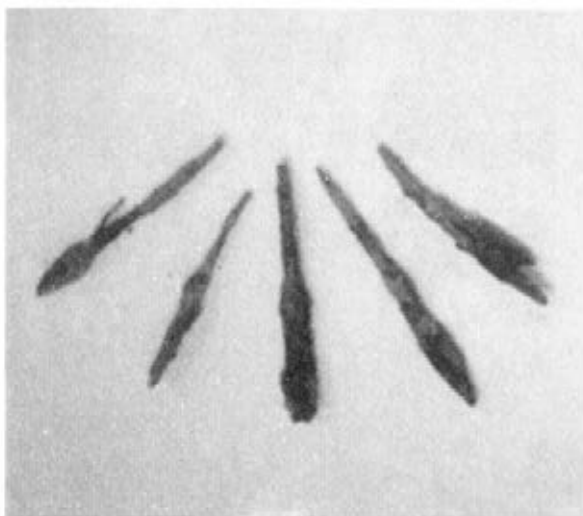


- Lúc hòa bình quân số khoảng 10 vạn
- Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, ngoài việc huy động toàn dân tham gia đánh giặc còn có 20 vạn quân tại ngũ

BẠI TƯỚNG NHÀ NGUYỄN

SỐ THỨ-TC	HỌ TÊN	CHỨC, TƯỚC	ĐỊA ĐIỂM BỊ BẮT, BỊ GIẾT
1	Triệt Triệt Đồ	Tướng tiên phong	Tự sát sau trận Bình Lệ Nguyên (Huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú) năm 1258
2	Toa Đô	Nguyên soái	Bị chém đầu ở trận Tây Kết (Giãn bãi Thiên Mạc, Hưng Yên) năm 1285
3	Trương Hiến	Tổng quản	Bị bắt ở trận Tây Kết năm 1285
4	Tiểu Lý		Tự sát ở trận Tây Kết năm 1285
5	Nghệ Nhuận	Vạn hộ	Chết trong trận Vạn Kiếp (Hải Dương) năm 1285
6	Lý Hằng	Tả Thửa đại tướng	Bị tên độc chết ở trận Vĩnh Bình (Lạng Sơn) 1285
7	Thoát Hoan	Thái tử, Trấn Nam Vương, Thống tướng	Sau trận phục kích của Hưng Vũ Vương Nghiễn ở Vĩnh Bình năm 1285, Thoát Hoan phải chui ống đồng trốn về Tứ Minh (Trung Quốc)
8	Trương Ngọc	Vạn hộ	Bị chết ở trận Bạch Đằng năm 1288
9	Phản Tiếp	Tham tri chính sự	Bị bắt ở trận Bạch Đằng năm 1288, sau đó chết tại Đại Việt
10	Ô Mã Nhi	Tham tri chính sự	Bị bắt ở trận Bạch Đằng năm 1288, chết vì đắm thuyền trên biển
11	Lý Thiên Hựu	Nguyên soái thủy quân	Bị bắt ở trận Bạch Đằng năm 1288
12	 Diên (?)	Viên quan giữ văn thư của Ô Mã Nhi	
13	Sầm Đoan	Nguyên soái	Bị bắt ở trận Bạch Đằng năm 1288
14	Tích Lê Cơ Ngọc	Tham tri chính sự	Bị bắt ở trận Bạch Đằng năm 1288
15	A Bất Xích	Dại quý tộc Mông Cổ Hành Tinh Tả Thửa	Bị tên độc chết ở trận Nội Bàng (Lạng Sơn) năm 1288





MỘT SỐ VŨ KHÍ THỜI TRẦN

Ảnh 1: Trên: Hai mũi chông sắt.

Dưới: Hai mũi giáo sắt.

Ảnh 2: Từ trái qua phải: Rìu tứ giác, đầu côn, mấu đầu côn, đỉnh thuyền.

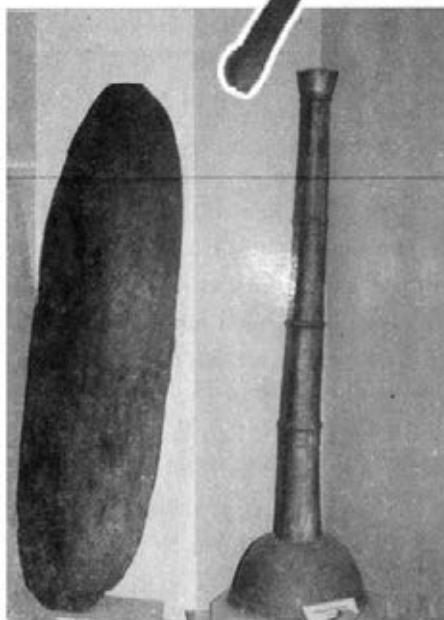
Ảnh 3: Mũi tên sắt.

Hình 4: Câu liêm.

Ảnh 5: Trái: Khiên gỗ cao 1m.

Phải: Loa đồng cao 1m.

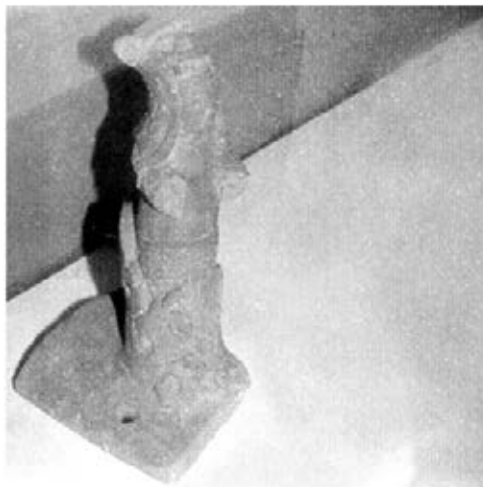
Ảnh: Đúc Hòa



Ảnh 1: Ấn đồng ghi chức
Quan môn hạ sảnh 1377, Hà
Tĩnh

Ảnh 2: Đầu ngói hình võ
quan.

Ảnh: Đức Hòa



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện sử học), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Trung tâm học liệu.
- Trần Quốc Vương và Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
- Hà Văn Tấn và Phạm Thi Tâm, *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- *Lịch sử Việt Nam* tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976.

PHỤ LỤC

**MỘT SỐ NGÔI THÁP ĐẸP
CÒN LẠI CỦA THỜI TRẦN**



TỔ NHƯ

Vào thời Lý - Trần, đạo Phật đã phát triển rực rỡ. Nhờ đó, các kinh Phật được tàng trữ, các tranh tượng Phật được vẽ tạc và đặc biệt là các chùa tháp mọc lên khắp nơi.

Tháp là một loại hình kiến trúc Phật giáo đặc sắc thời Lý - Trần. Tháp thời này có nhiều loại. Có loại làm mộ các nhà sư, có loại dựng lên trước chùa để lưu niệm và có loại dùng để làm Phật điện thờ Phật.

Trong lịch sử kiến trúc, vào thời Lý, ông cha ta đã xây được nhiều ngôi tháp cao lớn và đẹp nổi tiếng như tháp Báo Thiên, tháp Chương Sơn cao 60 - 80 mét hoặc tháp chùa Long Đọi trên núi Đọi Sơn thì gần như là một tượng đài hoành tráng của đạo Phật. Rất tiếc vì nước ta ở vào khí hậu nhiệt đới ẩm nóng nhiều mưa, lại đã qua một thời gian dài khoảng bảy tám thế kỷ, nên các tháp lớn hầu hết đều không còn; nhất là tháp có chiều cao càng dễ là điểm tập trung cho sét đánh thì sự hư hại càng nhanh hơn nữa.

Tuy nhiên, với những tháp nhỏ hơn, rất may đến nay vẫn còn tồn tại dấu tích 4 ngôi tháp cổ thời Trần. Đó là 2 tháp mộ sư và 2 tháp lưu niệm. Bài viết này xin giới thiệu 4 ngôi tháp đó.

THÁP MỘ CÁC NHÀ SƯ

Khi các nhà sư trụ trì chính ở các chùa viên tịch, các đệ tử đã tổ chức hỏa táng và dựng trên mộ một tòa tháp. Tùy theo vai trò, chức vị Phật giáo của nhà sư đó thế nào mà tháp dựng có hình thức phù hợp.



Tháp đất nung. Men ngà, nâu.
Chùa Trờ, Vĩnh Phúc.
Cuối thế kỷ 13.

Ảnh: TVĐHMT - TP.HCM

Các tháp mộ này thường nhỏ và được dựng ngay sau vườn của chùa. Nếu ta hành hương đến một ngôi chùa nào đó mà chưa có điều kiện hỏi về lịch sử của nó thì chỉ cần nhìn vào vườn tháp phía sau là có thể biết được ngay chùa đó thuộc loại lớn hay nhỏ, đã có từ lâu đời hay mới dựng gần đây.

Trong lịch sử phát triển Phật giáo còn ghi lại những chùa giữ được nhiều tháp mộ như chùa Phật Tích ở Bắc Ninh, chùa Hoa Yên và chùa Lâm ở núi Yên Tử thuộc tỉnh Quảng Ninh... Hay chùa Trờ ở Vĩnh Phúc cũng là ngôi chùa có lịch sử lâu đời.

Tháp mộ thời Trần hiện còn 2 cái. Đó là tháp Huệ Quang ở chùa Hoa Yên và tháp Đăng Minh ở chùa Côn Sơn.

1. Tháp Huệ Quang

Đây là tháp mộ của sư Trúc Lâm Đại đầu đà mà người đương thời tôn xưng là Giác hoàng Điều ngự. Tên thật của ông là Trần Khâm, vị vua thứ ba của nhà Trần, lúc mất được đặt tên thụy là Nhân Tông. Trong lịch sử nước ta, Trần Nhân Tông là một vị vua anh minh, giàu lòng yêu nước và là một

anh hùng dân tộc. Ông đã cùng với vua cha là Thượng hoàng Thánh Tông và các tướng lĩnh tài ba như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật... lãnh đạo quân dân Đại Việt hai lần đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông - vốn là một đế quốc hùng hãn nhất thời đó mà vó ngựa đã tung hoành suốt từ Âu sang Á khiến biết bao dân tộc trên thế giới phải kinh hoàng - vào các năm 1285 và 1288.

Là một ông vua có tấm lòng khoan hòa nhân ái, ông đã xây dựng được sự đoàn kết trong hoàng tộc và cả muôn dân mà đỉnh cao là hai cuộc hội nghị nổi tiếng: Hội nghị Bình Than và hội nghị Diên Hồng mãi sáng chói trong lịch sử dân tộc. Đất nước hết nạn chiến tranh một thời gian, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông (1293) để lên làm Thái Thượng hoàng và chỉ năm năm sau, ông quyết định từ bỏ chốn phồn hoa đô hội, từ bỏ vị trí cao sang một mình đứng trên muôn vạn người để tìm đến cửa Phật.

Hàng tùng già bên đường lên tháp Huệ Quang, tương truyền là do chính tay các vua Trần trồng.

Ảnh: Tố Như





Cổng vào khuôn viên tháp Huệ Quang.

Ảnh: Tố Như

Ông đã tu ở nhiều chùa nhưng sau chủ yếu là ở Yên Tử và tại đây ông đã lập ra dòng thiền Trúc Lâm, một dòng thiền mang đậm sắc thái Việt Nam.

Trần Nhân Tông còn là một nhà thơ, nhà văn hóa Việt Nam xuất sắc. Ông đã để lại nhiều tác phẩm, cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Ông viên tịch năm 1308 tại am Ngọa Vân trên núi Yên Tử, thọ 50 tuổi. Các đệ tử và triều đình đã tổ chức hỏa táng và dựng tháp Huệ Quang để làm mộ và nơi thờ cúng ông.

Tháp Huệ Quang được dựng trên một bãi đất bằng phẳng phía trước chùa Hoa Yên, cách chùa một con dốc. Nơi đây sau này còn có thêm mộ của các nhà sư kế tiếp, tạo thành một khu vườn mộ. Tháp và chùa nằm trên một thế đất rất đẹp. Lúc trời quang

mây tạnh, từ đây có thể đưa tầm mắt lần theo các triền núi nhấp nhô nhìn suốt cả xuống vùng đồng bằng rộng lớn là Quảng Yên và Hải Phòng ngày nay.

Hai bên tả hữu của khu chùa tháp là hai triền núi chạy dọc như tay ngai; phía trước là con đường dốc xuôi xuống, hai bên đường có hai hàng tùng cổ thụ, tương truyền do vua Trần trồng từ lúc lên tu ở đây.

Tháp Huệ Quang nằm trong một khuôn viên có tường bao bọc. Tháp có bố cục mặt bằng vuông nhưng lại dựng trên một bệ hình lục giác to lớn. Tháp được làm bằng những tảng đá xanh ghép với nhau bằng những mộng đuôi cá có đồ chì. Từ lúc xây dựng cho đến nay tháp đã qua nhiều lần tu sửa. Qua dấu tích để lại có thể thấy lần tu sửa sau cùng người ta phải bỏ bớt một số tầng ở trên và nay chỉ còn 5 tầng với chiều cao tổng cộng là 7 mét.



Tháp Huệ Quang - tháp mộ tổ sư thiền phái Trúc Lâm Trần Nhân Tông.

Ảnh: Tố Như

Trang trí trên tháp cũng rất công phu. Dù đã trải qua mưa gió dài đầu ngót 700 năm, nhiều hoa văn đã bị mòn nhưng dấu tích còn lại vẫn còn nhận ra được. Đó là những bức chạm hình sóng nước nhấp nhô kiểu hình nấm uốn khúc mềm mại ở tầng đáy của bệ. Một diềm cánh sen hai lớp được khắc chạm tinh tế viền bao quanh tầng bệ như có dụng ý mô tả tháp thành một búp sen khổng lồ. Còn diềm mái phía trên là các hình hoa dây và rồng.

Quý hơn nữa, trong lòng tầng một của tháp còn lưu giữ được pho tượng thờ Trần Nhân Tông. Tượng vào loại nhỏ, cao 62cm, bằng đá trắng, thể hiện vị sư tổ đang ngồi trong tư thế thiền định: Hai chân xếp bằng, chân trái đè lên chân phải, đây là kiểu ngồi rất phổ biến của tượng Phật, thường gọi là ngồi kiết già theo cách liên hoa tọa (ngồi hình hoa sen). Hai tay tượng để về phía trước trên chân trái, riêng tay phải các ngón co duỗi không đều nhau dường như muốn mô tả một suy nghĩ gì đó của nhà sư trong khi ngồi niệm chú. Đầu tượng không mũ, không tóc, khuôn mặt cân đối, đầy đặn. Mũi to, môi đầy, nhân trung sâu. Mắt hơi lõm, để lộ vòng nguyệt mi cong, trong tư thế nhìn xa xăm. Tất cả như gợi nét điềm đạm phúc hậu, nhưng cũng đầy suy tư và giàu lòng vị tha.

Thân tượng khoác áo cà sa được diễn tả bằng những đường nét mềm mại, lưu loát. Đáng chú ý là áo chỉ khoác nửa người, để lộ nửa ngực và vai phải; đây là nét riêng biệt chỉ thấy có ở tượng Trần Nhân Tông. Các tượng Phật và hậu Phật từ thế kỷ XVI về sau ở các chùa ngoài Bắc không có kiểu khoác áo này. Phải chăng đây là dấu vết y phục của các nhà sư trong Nam mà Phật giáo thời Lý - Trần đã ảnh hưởng không ít và tượng Trần Nhân Tông là một minh chứng?

Tóm lại, đây là một pho tượng đã đạt đến trình độ thẩm mỹ khá cao. Nghệ nhân xưa đã biết khai thác những cá tính để lột tả được thần thái của nhà vua lúc ngồi thiền.



Ảnh phải: Tháp Đăng Minh, trùng tu 1719.

Ảnh trái: Hoa văn hoa sen trên thành tháp Đăng Minh.

Ảnh: Tố Như

2. Tháp Đăng Minh

Ngôi tháp mộ thời Trần thứ hai còn tồn tại dấu tích đến ngày nay là tháp Đăng Minh, tháp mộ của sư Huyền Quang, vị tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm. Huyền Quang tên thật là Lý Đạo Tái, quê ở huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương. Tương truyền ông là người thông minh từ nhỏ, có khiếu về văn chương, đã từng đỗ đầu khoa thi hội. Nhưng ông cũng đã từ bỏ tất cả để đến với cửa thiền và được Trần Nhân Tông cùng Pháp Loa nhận làm đệ tử. Ông tu ở nhiều chùa nhưng chủ yếu là ở chùa Lâm trong hệ thống các chùa ở Yên Tử và cuối đời về tu chùa Côn Sơn. Ông viên tịch tại đây năm 1334, thọ 80 tuổi.



Tháp Đăng Minh thời Trần do Bảo tàng Hải Dương phục chế.

Ảnh: Tố Như.

Cũng như Nhân Tông, Huyền Quang là một nhà sư đồng thời cũng là một nhà thơ, nhà văn hóa Việt Nam. Ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Các đệ tử đã xây tháp mộ cho ông phía sau chùa Côn Sơn, sát chân núi, nơi mà sau đó vài ba chục năm, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi lần lượt về ở ẩn.

Lúc đầu, tháp Đăng Minh được làm bằng đất nung, về sau bị đổ nát nên đến đầu thế kỷ XVIII, giới Phật tử đã tổ chức xây lại



Chi tiết tầng 2 tháp Đẳng Minh.

Ảnh: Tố Như

cho ông một tháp đá cao lớn 3 tầng và tạc chân dung ông để ở trong tháp. Gần đây, Bảo tàng tỉnh Hải Dương đã khai quật đồng đồ nát của tháp cũ và phục chế lại toàn bộ, để lưu giữ ở Bảo tàng Lịch sử ở Hà Nội.

Đẳng Minh là một tháp mộ nhỏ, chỉ có 3 tầng và cao 5 mét nhưng là một tháp đẹp. Toàn bộ ngôi tháp bằng đất nung màu đỏ rực, nổi bật giữa núi đồi xanh lá cây rừng tạo nên một sự ấm cúng và gần gũi.

Trang trí tháp cũng rất phong phú. Trước hết, cũng như tháp Huệ Quang, chân bệ tháp Đẳng Minh được đắp hai lớp cánh sen viền quanh. Và cũng như tháp Huệ Quang, ý đồ của người xây tháp Đẳng Minh cũng muốn biến ngôi tháp thành hình tượng của búp hoa sen khổng lồ. Hoa sen, biểu tượng của Phật, như muốn nhắc nhở mọi người về tấm lòng thanh khiết, “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn” của những người nằm trong mộ.

Các bờ tường của tháp Đăng Minh cũng được trang trí hình hoa sen bên cạnh những hình hoa 6 cánh, hình rồng cuộn khúc, hình lá đề có vòng hào quang, hình sóng nước, hình các con sơn v.v... Tất cả để thể hiện những triết lý có vẻ đơn giản theo quan niệm đương thời, nhưng không kém phần thâm thúy, sâu sắc.

THÁP LƯU NIỆM

Đây cũng là loại tháp khá phổ biến thời Lý - Trần. Nó được dựng lên phía trước các chùa nhằm để lưu niệm về một danh nhân hoặc một sự kiện nào đó. Dù là kiến trúc phụ nhưng các tháp này đều to lớn, làm tăng vẻ đẹp cho ngôi chùa. Như tháp Báo Thiên dựng ở chùa Báo Thiên phía bắc kinh đô Thăng Long vào năm 1057 để kỷ niệm chiến thắng ngoại xâm. Tháp cao hơn 60 mét, được nhà thơ thời Trần là Phạm Sư Mạnh ví như “một cột trụ chống trời để cho sơn hà yên ổn”.

Ảnh 1: Toàn cảnh chùa và tháp Phổ Minh. Ảnh: Đức Hòa

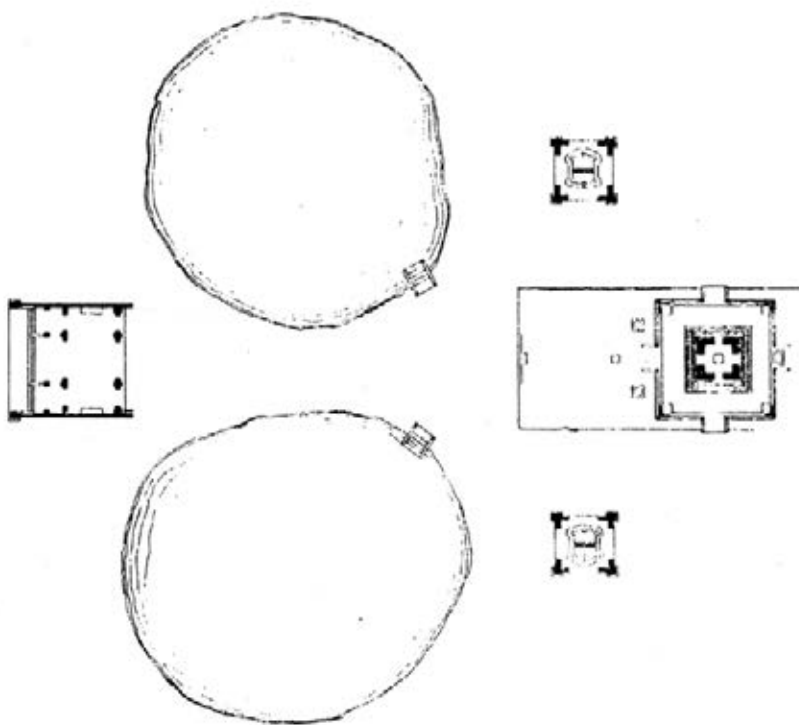
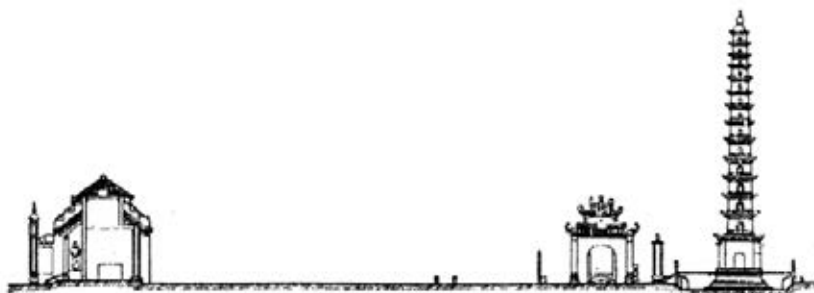
Ảnh 2: Lối vào tháp Phổ Minh

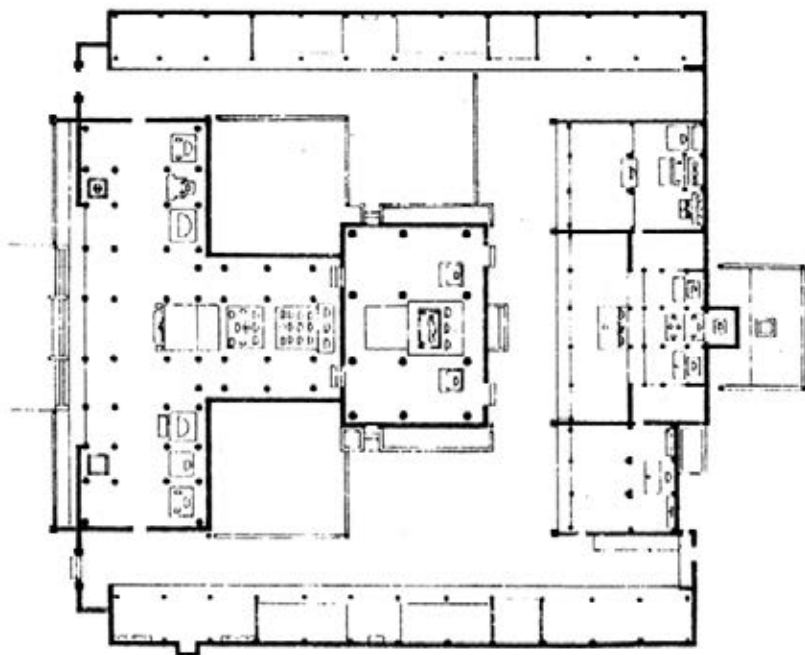
Ảnh: Sách những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam





Sơ đồ mặt cắt và mặt bằng Chùa Phổ Minh





Trích từ cuốn:

Soure: Louis Bezacier.

Relevés de monuments anciens du Nord Vietnam - Paris, 1959 - EFCO



Tháp này sau bị Pháp phá cùng với chùa Báo Thiên để mở mang phố xá. Hiện nay, thời Trần chỉ còn lại hai ngôi tháp loại này là tháp Phổ Minh và tháp Bình Sơn.

1. Tháp Phổ Minh

Tháp thuộc chùa Phổ Minh nay ở xã Lộc Vượng, ngoại thành Nam Định, cách phía bắc thành phố 5km. Đây cũng là đất phủ Thiên Trường xưa, quê hương của dòng họ Trần, nơi có các cung Trùng Quang, Trùng Hoa để Thái Thượng hoàng sau khi nhường ngôi cho con thì về ở. Chùa có từ đời Lý,

năm 1262, nhà Trần cho tu sửa và mở rộng để làm nơi cho các quý tộc lui tới hương khói thờ phụng. Xưa đây là vùng đất đẹp có tiếng, vua Trần Nhân Tông đã từng tu ở chùa này và có bài thơ nói lên cảnh đẹp ở đây:

Lục ám hồng hi bội tịch liên

Tễ vân thôn vũ thổ hoa tiêu

Trai đường giảng hậu tăng quy viện

Giang quán canh sơ nguyệt thượng kiều...

(Tạm dịch: Màu xanh thắm, màu đỏ thưa, cảnh thêm vắng vẻ. Mây quang mưa tạnh, ngấn bùn đất rơi tự lúc nào. Trên trai đường giảng kinh xong, sư ông về viện. Đến quán bên sông mới đầu canh, trăng đã lên cầu).

Ảnh 1: Tháp Phổ Minh

Ảnh: Tố Như

Ảnh 2: Rồng đá ngoài thềm tháp
Phổ Minh, nhìn từ phía trước.

Ảnh 3: Rồng đá ngoài thềm tháp
Phổ Minh, niên đại 1305, nhìn bên
cạnh.

Ảnh 2, 3: Đức Hòa



Tháp Phổ Minh mới được dựng vào đầu thế kỷ XIV, khoảng năm 1310. Tương truyền tháp được dựng để kỷ niệm việc vua Trần Nhân Tông đã từng tu ở chùa.

Tháp được dựng ngay trước chùa, gồm 14 tầng, cao 22m. Các đời sau có nhiều lần tháo dỡ một số tầng trên để tu sửa, tuy nhiên về cơ bản tháp vẫn giữ được kết cấu như cũ.

Tháp có dáng thanh mảnh, mặt bằng vuông, cạnh đáy dài hơn 5m, được xây trên một hồ vuông có cạnh hơn 8m, cũng nhằm để tạo hình tượng tháp như một búp sen nổi trên mặt nước. Tháp tuy cao lớn vậy nhưng vẫn hòa đồng chung vào môi trường cảnh quan đẹp của chùa. Đó là những cây cổ thụ um tùm bóng mát, những ao hồ phẳng lặng nước trong xanh...

Tất cả như hòa chung để tạo nên không khí tĩnh mịch, thanh u làm cho con người khi bước chân đến đây như đã trút bỏ được mọi ưu phiền của cuộc sống thế tục để trở về với thế giới tâm linh, thế giới của những tấm lòng thành kính và vị tha, thế giới của những con

Ảnh 1: Chi tiết cấu trúc tầng 1 của tháp Phổ Minh.

Ảnh 2: Chi tiết thân bệ tháp Phổ Minh.

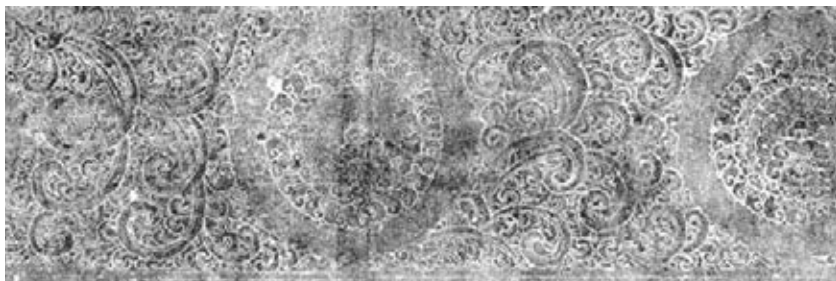
Ảnh 1-2: Tổ Như

Ảnh 3: Bệ đá của tháp Phổ Minh, chụp từ góc.

Ảnh: Sách Chùa Việt Nam





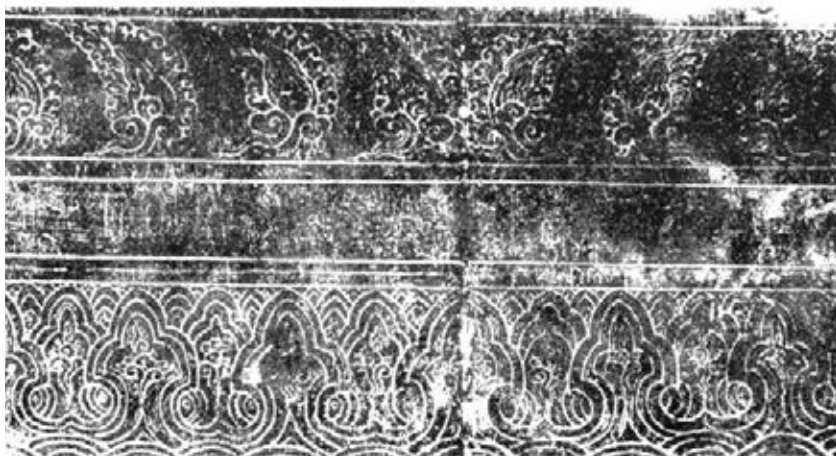


Ảnh 1-2-3: Trang trí chạm đá tầng 1 tháp Phổ Minh. Bản rập các hoa văn:
Hoa cúc, mây, sóng nước, hoa lan.

Ảnh: Tố Như

Ảnh 4: Trích đoạn phóng to từ ảnh 1.

Ảnh: Sách Nghệ thuật chạm khắc cổ Việt Nam.





người chỉ biết “làm điều lành, lánh điều dữ”. Tầng dưới của tháp làm bằng đá xanh, cao lớn để làm chỗ thấp hương cho cá Phật tử. Các tầng trên bằng gạch bịt kín.

Trang trí trên tháp không nhiều nhưng cũng đáng chú ý. Ở tầng dưới là các hình chạm sóng nước, hoa lá, mây trời và cả đôi rồng lượn vờn mặt trời, nét chạm tinh tế, mềm mại. Phía trên gạch là những hình rồng bố cục uốn lượn kiểu hình sin khỏe khoắn, đơn giản.

Để kết cấu được bền vững, những người xây dựng đã dùng kỹ thuật làm cá đồ chì và giăng các viên gạch bằng những sợi đồng từ các lỗ có sẵn. Cùng với chùa, tháp Phổ Minh là một công trình đáng quý, chẳng những vì nó đẹp mà còn vì đây là một trong hai ngôi tháp lớn thời Trần duy nhất còn lại đến nay.

2. Tháp Bình Sơn

Ngôi tháp lưu niệm thứ hai từ thời Trần còn lại đến nay là tháp Bình Sơn. Tháp Bình Sơn còn gọi là tháp Then chùa Vĩnh Khánh, nay thuộc xã Tam Sơn, huyện Lập Thạch, Phú Thọ.

Chùa nằm trên một bãi bằng phẳng của một triền đồi kéo dài, một địa hình thường gặp vùng đất trung du. Hiện nay, chưa có nhiều tài liệu để biết chùa xưa như thế nào, còn chùa hiện tại được làm lại sau này chỉ là một công trình kiến trúc thuộc loại nhỏ bé và đơn giản, mang dấu ấn của văn hóa đầu thế kỷ này mặc dù trong chùa còn lưu giữ hai tấm bia từ thế kỷ XVII. Những vết tích của văn hóa thời Trần nay không còn lại gì vì thế tháp được dựng để kỷ niệm sự kiện hay con người nào cũng còn là một ẩn số.

Riêng tháp Bình Sơn thì còn mang dấu tích của thời Trần. Tháp được dựng ngay trước sân chùa. Đây là công trình được dựng có niên đại vào loại muộn nhất của thời Trần, đó là năm 1396. Hiện



Tháp Bình Sơn

Ảnh: Sách Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam

tháp còn lại 11 tầng với chiều cao là 15 mét. Tháp đã trải qua nhiều đợt tu sửa và từ vết tích của nó, các nhà khảo cổ học cho biết ít nhất trước đây tháp cũng phải có 14 tầng và tất nhiên chiều cao của nó cũng phải gần bằng tháp Phổ Minh.

Điều đáng chú ý là, cũng giống tháp Đăng Minh, toàn bộ tháp Bình Sơn đều là đất nung, tạo cho công trình một màu đỏ rực, nổi bật lên giữa thiên nhiên cây cỏ của núi đồi.

Về hình dáng, tháp Bình Sơn khá gần gũi với tháp Phổ Minh, nghĩa là cũng có mặt bằng vuông, càng lên cao càng thu nhỏ dần, các tầng đều trở cửa cuốn mở ra bốn phía, mái của các tầng đều hẹp, tầng dưới cao trội hẳn lên... Nhưng điều đáng lưu ý là do góc độ thu nhỏ của các tầng trên ít hơn nên trông dáng của tháp Bình Sơn có phần đậm hơn, chắc nịch, không thanh mảnh như tháp Phổ Minh.

Kết cấu của tháp cũng rất đặc biệt. Phía trong lòng tháp là loại gạch vồ to, nặng. Những người xây dựng chủ trương xây thành một cái lõi chắc chắn. Loại gạch này được xây gài vào nhau và chất kết dính là một lớp đất sét mịn có độ dẻo cao. Bởi vậy độ bền chắc ở đây chủ yếu vẫn là dùng sức nặng của khối gạch vồ này.

Bọc phía ngoài tháp là một loại gạch mỏng, có diện tích lớn. Chúng được ốp vào tường nhưng lại có chân hình thước thợ gài vào lớp trong và dùng sức nặng của các lớp gạch phía trong giữ cho chắc. Keo của lớp gạch ngoài gồm vôi, mật đường và giấy dó, loại này có độ kết dính khá cao. Để tăng thêm độ bền vững, cha ông ta còn biết dùng kỹ thuật làm mộng hình đuôi cá để nối giữa các viên gạch, làm chúng giăng chặt vào nhau. Có lẽ nhờ vậy mà trải qua hơn 600 năm, tháp vẫn tồn tại.

Về trang trí, trên bốn mặt tháp đều có nhiều loại đồ án hoa văn khác nhau. Ở tầng đế là hình sư tử đang vờn quả cầu, sư tử ở đây là biểu tượng cho sức mạnh, cho sự che chở đạo Phật còn quả cầu là biểu tượng của mặt trời, của quyền lực.



Kết cấu hoa văn trang trí trên thân tháp Bình Sơn.

Ảnh: Báo ảnh Việt Nam

Ở tầng 1 được trang trí bằng những hình rồng đang cuộn khúc trong ô tròn. Chúng được bố cục thành các dọc dài tạo nên vẻ trang nghiêm và sang trọng vì rồng là biểu tượng cho quyền lực tối cao. Còn các tầng trên là các hình lá đề có vòng hào quang hình sừng tê hoặc bảo tháp... Tất cả đều muốn nói lên sự cao quý, sang trọng của thế giới thần tiên. Ngoài ra còn có hoa chanh, hoa dây chạy trên các diềm cạnh tháp và diềm mái càng tôn vẻ đẹp cho công trình.

Tóm lại, bốn ngôi tháp Huệ Quang, Đăng Minh, Phổ Minh, Bình Sơn từ thời Trần còn lại là niềm tự hào của nền kiến trúc cổ Việt Nam. Nó chẳng những giá trị ở hình dáng chắc nịch, chất liệu bình dị, trang trí công phu mà còn ở kỹ thuật xây dựng khá cao so với thời ấy. Trải qua sáu, bảy thế kỷ, trong điều kiện khí hậu nhiệt đới nắng nóng, mưa bão nhiều, lại ẩm thấp như nước ta, vậy mà tháp vẫn tồn tại đến ngày nay quả là một sự thần kỳ.



Ảnh trên: Hình rồng cuộn khúc trong ô tròn ở tầng 1 tháp Bình Sơn.

Ảnh: Tố Như

Ảnh dưới: Gạch thời Trần ở tháp Bình Sơn.

Ảnh: Đức Hòa





1



5

Ảnh 1: Một phần tháp cổ tại Lục Yên, Yên Bái.

Ảnh: Báo Nhân dân 1997

Ảnh 2-3-4: Bản rập hoa văn hình lá đề ở tháp Bình Sơn.

Ảnh: Tố Như

Ảnh 5: Bản vẽ phác thảo “cắt mạch tháp” trên gạch lúc còn ướt tìm thấy khi trùng tu tháp.

Ảnh: Báo ảnh Việt Nam



2

3

4



LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 24
CHIẾN THẮNG GIẶC NGUYÊN MÔNG LẦN THỨ BA

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: BÙI NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

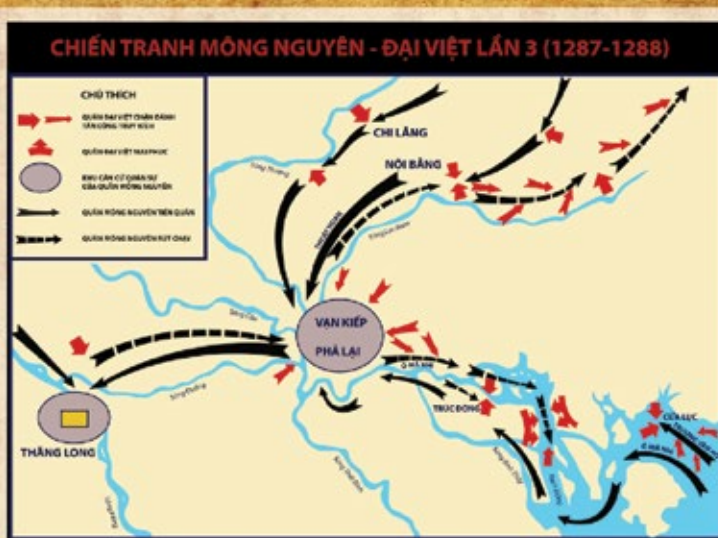
CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

社稷兩回勞石馬,
山河千古奠金甌。

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

Xã tắc hai phen chồn ngựa đá,
Non sông nghìn thuở vững âu vàng.
Trần Nhân Tông

(Hai câu thơ viết bên lăng Trần Thái Tông lúc làm lễ dâng tù binh mừng chiến thắng Nguyên-Mông lần thứ ba, trích Đại Việt sử ký toàn thư)



Lược đồ diễn biến cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ ba của nhà Trần